

**DANH MỤC DỤNG CỤ, VẬT TƯ Y TẾ
HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM, VẬT TƯ Y TẾ THÔNG DỤNG NĂM 2021**

TT	Danh mục dụng cụ, vật tư y tế	Đơn vị tính	Quy cách	Số lượng	Phân nhóm theo TT14	Yêu cầu kỹ thuật	Hạn sử dụng
1	Điện cực tim	Cái	30 cái/ túi	15000	3	Bề mặt tiếp xúc dạng gel, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao, độ kết dính tốt, dễ dán, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân	≥ 2 năm
2	Đầu đo SpO2 (Oxygen sensor) (kèm dây cáp nối)	Cái	1 cái/ hộp	3	6	Đầu đo SpO2 (Oxygen sensor) (kèm dây cáp nối) - Chất liệu bền, đẹp, phù hợp với thiết bị đang sử dụng tại Bệnh viện - Phù hợp với từng loại máy đang có của Bệnh viện	≥ 3 năm
3	Bầu lọc 2 chức năng (lọc khuẩn, lọc âm)	Cái	50 cái/ hộp	12000	3	Chất liệu nhựa y tế Lọc vi khuẩn/ virus, trao đổi âm, có công đo CO2. Sản phẩm được tiệt trùng, phù hợp với máy hiện có tại bệnh viện	≥ 2 năm
4	Sensor lưu lượng (Máy Gây mê kèm thở các loại)	Cái	1 cái/ hộp	5	6	- Cảm biến lưu lượng cho máy thở , gây mê kèm thở Drager - Cảm biến lưu lượng cho máy gây mê kèm thở GE-Datex- Ohmeda - Phù hợp với từng loại máy đang có của Bệnh viện	≥ 2 năm
5	Sensor đo bão hòa Oxy (Sensor Oxygen)	Cái	1 cái/ hộp	5	6	Phù hợp với từng loại máy hiện có tại bệnh viện	≥ 2 năm
6	Bộ cáp nối đầu đo điện tim loại 3 điện cực cho máy monitor	Bộ	1 bộ/ hộp	5	6	Bộ cáp nối đầu đo điện tim loại 3 điện cực cho máy Monitor (cả phần từ máy và cáp bệnh nhân, đầu đo, cáp nối dài) '- Chất liệu bền, đẹp, phù hợp với thiết bị đang sử dụng tại Bệnh viện	≥ 3 năm
7	Tay dao mổ điện 2 nút nhấn loại dùng nhiều lần cho các Máy Dao mổ điện	Cái	1 cái/ hộp	100	3	Dùng nhiều lần. Sử dụng cho Dao mổ điện hiện có của Bệnh viện đang sử dụng. Hấp tiệt trùng được đến 1340C	≥ 2 năm
8	Bóng đèn đặt nội khí quản (xenon 3,5V)	Cái	1 cái/ hộp	13	4	Bóng đèn Xenon 3,5V cho ánh sáng trắng, rõ. Đảm bảo kỹ thuật chuyên mô, phù hợp với máy hiện có của bệnh viện	≥ 2 năm
9	Đèn Xenon 175 W/ 300W dùng cho bộ khám nội soi	Cái	1 cái/ hộp	10	6	Bóng đèn Xenon 175W/300W dùng cho nguồn sáng nội soi các hãng Olympus, Karl Storz, Pentax, Richard Wolf.... Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có của Bệnh viện.	≥ 2 năm
10	Bóng đèn Xenon 180W cho kính hiển vi	Cái	1 cái/ hộp	5	Không phân nhóm	Bóng đèn Xenon công suất 180 W, nhiệt độ màu 5000 độ K. Tuổi thọ tối đa 500 giờ. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện	≥ 3 năm
11	Cằm máu mũi (10 cái/hộp)	Cái	10 cái/ hộp	8000	3	Kích thước: 8 x 1.5 x 2cm. Có chất kìm khuẩn ức chế sự phát triển của vi khuẩn tối đa trong 7 ngày. Độ thấm hút nhanh. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 3 năm
12	Dây cáp nối bản cực trung tính, loại dùng nhiều lần sử dụng cho dao mổ điện	Cái	1 cái/ hộp	10	4	Loại dùng nhiều lần, đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
13	Kẹp lưỡng cực, chiều dài từ 15.2 đến 19.7cm, đầu tip 0.7- 2mm	Cái	1 cái/ hộp	7	3	Loại dùng nhiều lần, đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
14	Dây nối kẹp lưỡng cực dùng một lần, chiều dài 3,6m	Cái	50 cái/ hộp	100	4	Loại dùng nhiều lần, đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
15	Tay dao đơn cực dùng một lần	Cái	50 cái / hộp	250	6	Loại dùng nhiều lần, đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
16	Tấm điện cực bệnh nhân dùng 1 lần cỡ người lớn (loại không có dây)	Cái	1 cái/ hộp	450	3	Loại dùng nhiều lần, đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm

17	Tay dao mổ điện kèm chức năng hút Fr 8	Cái	25 cái/ hộp	25	4	Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ. Kích cỡ Fr 8 , chi?u dài 15.24 cm.	≥ 3 năm
18	Tay dao mổ điện kèm chức năng hút Fr 12	Cái	25 cái/ hộp	25	4	Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ. Kích cỡ Fr 12, chi?u dài 15.24 cm.	≥ 3 năm
19	Lưỡi dao mổ điện đơn cực dùng một lần, chiều dài 6.2cm	Cái	150 cái/ hộp	300	3	Loại dùng một lần, đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ, chi?u dài 6.2cm	≥ 3 năm
20	Lưỡi dao mổ điện đơn cực dùng một lần chiều dài 7.2 cm	Cái	150 cái/ hộp	150	3	Loại dùng một lần, đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ chiều dài 7.2cm	≥ 3 năm
21	Dây nối kẹp lưỡng cực dùng nhiều lần	Cái	1 cái/ hộp	7	3	Loại dùng nhiều lần, đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 3 năm
22	Tay dao hàn mạch kèm cắt cỡ 5mm, dài 23cm, đầu cong, dùng trong phẫu thuật mổ mở.	Cái	1 cái/ hộp	10	3	Tay dao hàn mạch mổ mở hàm phủ nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 23cm, đường kính thân dao 5mm, quay 350 độ.	≥ 2 năm
23	Tay dao hàn mạch mổ mở dùng cho mổ tuyến giáp, chiều dài 21cm, dạng kéo.	Cái	1 cái/ hộp	2	3	Tay dao hàn mạch mổ mở dùng cho mổ tuyến giáp, chiều dài 21cm, khả năng hàn mạch máu, bó mô, mạch bạch huyết lên đến 7mm.	≥ 2 năm
24	Cốc xạc đèn đặt nội khí quản	Cái	1 cái/ hộp	13	4	Cốc xạc pin cho pin L 3.5V/ 230V. Phù hợp với đèn đặt nội khí quản hiện có tại Bệnh viện. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn.	≥ 3 năm
25	Pin xạc đèn đặt nội khí quản	Cái	1 cái/ hộp	24	4	Pin xạc L3.5V. Phù hợp với đèn đặt nội khí quản hiện có tại Bệnh viện. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn.	≥ 3 năm
26	Đầu Evac mổ Amidan và nạo VA	Cái	1 cái/ hộp	35	2	Đầu thẳng, có thể uốn cong, vô khuẩn, chiều dài làm việc 6 inch (chưa kể phần tay cầm). Cấu tạo có 3 điện cực kèm theo một kênh dẫn nước và một bộ phận hút dùng để cắt, cầm máu, tưới nước và hút.	≥ 2 năm
27	Đầu Reflex Ultra 45 đốt cuống mũi người lớn	Cái	1 cái/ hộp	15	2	Thiết kế không có đường nước, có chia 3 vạch như một thước đo để định vị độ sâu của việc đưa vào trong cuống mũi. Mỗi vạch có độ lớn là 5 mm.	≥ 2 năm
28	Miếng cầm máu và cố định xương mũi	Miếng	10 miếng/ hộp	200	3	Kích thước 8cm x 1,5cm x 2cm, Nở phòng lấp kín hốc mũi nhẹ nhàng, dẫn lưu tốt. Sản phẩm được nén kép. Có thể cắt để tạo kích thước phù hợp. Khả năng thấm hút cao.	≥ 3 năm
29	Lưỡi cắt nạo xoang loại thẳng đường kính 4 mm dùng cho Máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	60	3	Loại thẳng đường kính 4 mm dùng cho Máy Humme. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 3 năm
30	Lưỡi cắt nạo VA đường kính 4 mm dùng cho Máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	6	3	Đường kính 4 mm dùng cho Máy Hummer, có thể kết nối được với tay cắt M2, M4, phù hợp với máy hiện có tại bệnh viện.	≥ 3 năm
31	Lưỡi cắt nạo xoang trẻ em, loại thẳng đường kính 2, 9 mm dùng cho Máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Loại Thẳng đường kính 2, 9 mm dùng cho Máy Hummer. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 3 năm
32	Lưỡi cắt thanh quản đầu thẳng đường kính 4 mm dùng cho Máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Đầu thẳng đường kính 4 mm dùng cho Máy Humme. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 3 năm
33	Lưỡi cắt nạo xoang loại cong 40 độ đường kính 4mm dùng cho Máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	70	3	Loại cong 40 độ đường kính 4mm dùng cho Máy Hummer. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 3 năm
34	Lưỡi cắt thanh quản đầu cong đường kính 4 mm dùng cho Máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Đầu cong 15° đường kính 4 mm, dài 22 mm dùng cho Máy Hummer. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
35	Lưỡi cắt thanh quản loại thẳng, đường kính 4 mm, dài 37cm dùng cho Máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	4	3	Đầu thẳng, đường kính 4 mm, dài 22,5 mm dùng cho Máy Hummer. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm

36	Lưỡi cắt thanh quản đầu cong 15° đường kính 4 mm, dài 27,5cm dùng cho Máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Đầu cong 15° đường kính 4 mm, dài 27,5mm dùng cho Máy Hummer. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
37	Mũi khoan kim cương đường kính mũi 0,5 mm dài 72mm, 77mm	Cái	1 cái/ hộp	2	3	Đường kính mũi 0,5 mm dài 72mm, 77mm Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
38	Mũi khoan kim cương đường kính mũi 1,0 mm dài 72mm, 77mm	Cái	1 cái/ hộp	2	3	Đường kính mũi 1,0 mm dài 72mm, 77mm Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
39	Mũi khoan kim cương, đường kính mũi 2.0mm, dài 72mm, 78mm	Cái	1 cái/ hộp	3	3	Đường kính mũi 2,0 mm dài 67mm, 77mm Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
40	Mũi khoan kim cương, đường kính mũi 3.0mm, dài 72mm, 79mm	Cái	1 cái/ hộp	10	3	Đường kính mũi 3,0 mm dài 72 mm, 78mm Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
41	Mũi khoan kim cương đường kính mũi 4,0 mm dài 69mm, 72 mm	Cái	1 cái/ hộp	15	3	Đường kính mũi 4,0 mm dài 69mm, 72 mm.Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
42	Mũi khoan đường kính mũi 5,0 mm dài 64 mm , 71mm	Cái	1 cái/ hộp	15	3	Đường kính mũi 5,0 mm dài 64 mm , 71mm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
43	Mũi khoan đường kính mũi 6,0 mm dài 64 mm, 71mm	Cái	1 cái/ hộp	20	3	Đường kính mũi 6,0 mm dài 64 mm, 71mm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
44	Mũi khoan đường kính mũi 1.5mm, dài 78mm,dài 66mm	Cái	1 cái/ hộp	2	3	Mũi khoan đường kính mũi 1.5mm, dài 78mm, dài 65mm, được làm bằng chất liệu thép không gỉ sử dụng được với tay khoan Visao,Indigo .	≥ 3 năm
45	Mũi khoan đường kính mũi 2,0 mm dài 77 mm , 66mm	Cái	1 cái/ hộp	3	3	Đường kính mũi 2,0 mm dài 77 mm , 66mm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
46	Mũi khoan đường kính mũi 3,0 mm dài 72mm, 79mm	Cái	1 cái/ hộp	10	3	Đường kính mũi 3,0 mm dài 72mm, 79mm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
47	Mũi khoan đường kính mũi 4.0mm,dài 69mm, dài 72mm	Cái	1 cái/ hộp	5	3	Mũi khoan đường kính mũi 4.0mm,dài 69mm, dài 72mm, được làm bằng chất liệu thép công cụ sử dụng được với tay khoan Visao,Indigo .	≥ 3 năm
48	Mũi khoan đường kính mũi 5 mm dài 64 mm	Cái	1 cái/ hộp	5	3	Đường kính mũi 5 mm dài 64 mm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
49	Mũi khoan đường kính mũi 6 mm dài 64 mm, 69mm	Cái	1 cái/ hộp	20	3	Đường kính mũi 6 mm dài 64 mm, 69mm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
50	Mũi khoan đường kính mũi 2mm, dài 65 mm	Cái	1 cái/ hộp	2	3	Đường kính mũi 2mm, dài 65mm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
51	Mũi khoan đường kính mũi 3,0 mm dài 66 mm, dài 79mm	Cái	1 cái/ hộp	8	3	Đường kính mũi 3,0 mm dài 66mm, dài 79mm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
52	Mũi khoan đường kính mũi 4,0 mm dài 67mm	Cái	1 cái/ hộp	8	3	Đường kính mũi 4,0 mm dài 67mm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
53	Mũi khoan đường kính mũi 5,0 mm dài 68 mm	Cái	1 cái/ hộp	8	3	Đường kính mũi 5,0 mm dài 68 mm .Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm

54	Mũi khoan đường kính mũi 6,0 mm dài 64 mm	Cái	1 cái/ hộp	8	3	Đường kính mũi 6,0 mm dài 64 mm Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
55	Lưỡi cắt hút thanh khí quản đầu cong 15°, đường kính 2.9mm, dài 22,5cm dùng cho máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Đầu cong 15°, đường kính 2.9mm, dài 22,5mm dùng cho máy Hummer Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
56	Lưỡi cắt thanh quản 3 răng, chiều dài 27,5cm đường kính 4mm dùng cho máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	2	3	Lưỡi cắt thanh quản 3 răng, chiều dài 27,5cm đường kính 4mm dùng cho máy Hummer, kết nối được với tay khoan, cắt M4.	≥ 3 năm
57	Lưỡi cắt hút thanh khí quản 3 răng đầu cong, đường kính 4mm, chiều dài 22,5 cm dùng cho máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	2	3	3 răng đầu cong, đường kính 4mm, chiều dài 22.5 cm dùng cho máy Hummer Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
58	Lưỡi cắt thanh khí quản 3 răng, đầu cong, đầu thẳng chiều dài 37cm, đường kính 4mm dùng cho máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	2	3	3 răng, đầu cong, đầu thẳng chiều dài 37cm, đường kính 4mm dùng cho máy Hummer Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
59	Mũi khoan xoang, loại thẳng, đường kính 3.2 mm	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Loại thẳng, đường kính 3.2 mm Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
60	Mũi khoan xoang loại kim cương, cong lên 55 độ, đường kính 3.6mm	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Loại kim cương, cong lên 55 độ, đường kính 3.6mm Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
61	Mũi khoan xoang loại kim cương, cong lên 20 độ, đường kính 2,5mm	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Loại kim cương, cong lên 20 độ, đường kính 2,5mm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
62	Mũi khoan xoang, cong lên 15 độ, đường kính 4mm	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Cong lên 15 độ, đường kính 4mm . Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
63	Lưỡi cắt hút thanh khí quản, đầu cong đường kính 4mm dùng cho tay cắt M4	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Đầu cong đường kính 4mm dùng cho tay cắt M4. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
64	Bộ điện cực cảnh báo	Bộ	1 cái/ hộp	5	3	Bộ điện cực cảnh báo NIM cài đặt 2 kênh, dài 12mm, kết nối được với máy theo dõi dây thần kinh NIM. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
65	Bộ đầu dò (đầu và cán tay cầm)	Bộ	1 bộ/ hộp	5	3	Bao gồm đầu và cán tay cầm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
66	Mũi khoan xoang, cong lên 40 độ, đường kính 3mm	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Cong lên 40 độ, đường kính 3mm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
67	Đầu nối mũi khoan không có ống dẫn lưu dùng cho mũi khoan dài	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Đầu nối mũi khoan không có ống dẫn lưu dùng cho mũi khoan dài, sử dụng cho tay khoan Visao. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
68	Đầu nối khoan có ống dẫn	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Đầu nối khoan có ống dẫn, sử dụng cho tay khoan Visao . Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
69	Bộ ống dẫn lưu cho mũi khoan, được vô trùng (4 bộ/hộp)	Bộ	4 bộ/ hộp	1	3	Bộ ống dẫn lưu cho mũi khoan, được vô trùng (4 bộ/hộp), sử dụng cho tay khoan Visao. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
70	Đầu nối ống tưới rửa	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Đầu nối có ống tưới rửa, sử dụng với tay khoan Visao và máy theo dõi dây thần kinh NIM.	≥ 3 năm

71	Đầu nối không có ống tưới rửa	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Đầu nối không có ống tưới rửa, sử dụng với tay khoan Visao và máy theo dõi dây thần kinh NIM. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
72	Mũi khoan phá 5mm	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Đường kính mũi 5mm, Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
73	Mũi cắt nạo xoang cong 12 độ, đường kính 3.2mm	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Mũi cắt nạo xoang cong 12 độ, đường kính 3.2mm, dài 11cm. Sử dụng với tay khoan, cắt M4.	≥ 3 năm
74	Mũi khoan xoang đường kính 2,9mm, dài 10cm dùng với tay cắt M4	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Đường kính 2,9mm, dài 10cm dùng với tay cắt M4. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
75	Mũi khoan xoang phá đường kính 4mm, cong 15 độ, dài 11cm dùng với tay cắt M4.	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Đường kính 4mm, cong 15 độ, dài 15cm dùng với tay cắt M4.. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
76	Mũi khoan xoang loại kim cương, cong lên 70 độ, đường kính 4mm	Cái	1 cái/ hộp	1	3	Loại kim cương, cong lên 70 độ, đường kính 4mm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
77	Lưỡi cắt đốt VA và Amidan dùng cho dao mổ Plasma	Cái	1 cái/ hộp	800	3	Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
78	Tay khoan cắt nạo mũi xoang có hệ thống hút rửa bên trong dùng cho máy nạo XPS 3000	Cái	1 cái/ hộp	2	3	Có hệ thống hút rửa bên trong dùng cho máy nạo XPS 3000. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
79	Tay khoan cắt nạo mũi xoang, có hệ thống hút rửa bên trong dùng cho máy cắt nạo xoang XPS 3000, IPC, xoay được 360 độ	Cái	1 cái/ hộp	2	3	Có hệ thống hút rửa bên trong dùng cho máy cắt nạo xoang XPS 3000, IPC, xoay được 360 độ. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
80	Lưỡi cắt hạt sơ thanh quản đầu cong 15°, đường kính 2.9mm, dài 27cm dùng cho máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	2	3	Đầu cong 15°, đường kính 2.9mm, dài 27cm dùng cho máy Hummer. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
81	Lưỡi cắt hút thanh khí quản đầu cong 15°, đường kính 2.9mm, dài 18cm dùng cho máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	2	3	Lưỡi cắt hút thanh khí quản đầu cong 15 độ, đường kính 2.9mm, dài 18cm dùng cho máy Hummer	≥ 3 năm
82	Lưỡi cắt hút thanh khí quản đầu cong 15°, đường kính 3.5mm, dài 18cm dùng cho máy Hummer	Cái	1 cái/ hộp	2	3	Lưỡi cắt hút thanh khí quản đầu cong 15°, đường kính 3.5mm, dài 18cm dùng cho máy Hummer	≥ 3 năm
83	Ống nội khí quản kèm điện cực theo dõi dây thần kinh các cỡ	Cái	1 cái/ hộp	20	3	Ống nội khí quản kèm điện cực theo dõi dây thần kinh các cỡ	≥ 3 năm
84	Lưỡi cắt nạo mũi xoang loại cong, có kết nối định vị	Cái	1 cái/ hộp	10	3	Dài 11cm, cong 40 độ, đường kính 4mm có kết nối định vị	≥ 3 năm
85	Lưỡi cắt nạo mũi xoang loại thẳng, có kết nối định vị	Cái	1 cái/ hộp	10	3	Dài 11cm, thẳng, đường kính 4mm có kết nối định vị	≥ 3 năm
86	Dây kết nối dụng cụ định vị	Cái	1 cái/ hộp	5	3	Dài 11cm, đường kính 4mm có kết nối định vị	≥ 3 năm
87	Dây kết nối trạm định vị	Cái	1 cái/ hộp	5	3	Dài 11cm, đường kính 4mm có kết nối định vị	≥ 3 năm
88	Miếng dán trạm định vị	Cái	1 cái/ hộp	50	3	Kết nối trạm định vị, sử dụng với máy định vị FUSION	≥ 1 năm

89	Tay khoan tai tốc độ cao dùng cho máy khoan IPC.	Cái	1 cái/hộp	1	3	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng trong các phẫu thuật tai chung - Có thể sử dụng đa dạng với các mũi khoan phá, khoan kim cương, ... - Kích thước tay khoan: Dài 11.9cm, Đường kính 1.53 cm - Trọng lượng: 102g - Có hai chế độ khoan : Forward và Reverse - Tốc độ khoan tối đa là 60,000 vòng/ phút 	≥ 3 năm
90	Tay khoan cắt nạo mũi xoang, có hệ thống hút rửa bên trong dùng cho máy cắt nạo xoang XPS 3000, IPC, xoay được 360 độ	Cái	1 cái/hộp	1	3	<p>Tay cắt nạo có thể sử dụng được với các lưỡi và khoan mũi đa dạng sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các lưỡi cắt có phần đầu quay 360 độ + Lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật mũi xoang loại cong 60 độ , 90 độ + Mũi khoan loại thẳng dùng trong phẫu thuật mũi xoang + Mũi khoan loại cong 12độ, 15độ, 40độ, 55 độ, 70độ dùng trong phẫu thuật mũi xoang + Lưỡi cắt nạo dùng trong phẫu thuật thanh quản loại thẳng và loại cong 18 độ + Lưỡi cắt nạo xoang kết nối với máy định vị Tai Mũi Họng + Tốc độ tối đa 30.000 vòng/ phút ở chế độ quay xuôi chiều kim đồng hồ + Tốc độ tối đa 7.500 vòng/phút ở chế độ cắt dao động 	≥ 3 năm
91	Kim bấm sinh thiết thanh quản, miệng hình chén, cong phải, hàm cỡ khoảng 1.3mm	Cái	1 cái/hộp	1	3	Kim bấm sinh thiết thanh quản, miệng hình chén, cong phải, hàm cỡ khoảng 1.3mm, được làm bằng chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương. Đáp ứng yêu cầu lựa chọn chuyên môn	≥ 3 năm
92	Kim bấm sinh thiết thanh quản, miệng hình chén, cong trái, hàm cỡ khoảng 1.3mm	Cái	1 cái/hộp	1	3	Kim bấm sinh thiết thanh quản, miệng hình chén, cong trái, hàm cỡ khoảng 1.3mm, được làm bằng chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương. Đáp ứng yêu cầu lựa chọn chuyên môn	≥ 3 năm
93	Panh vi phẫu thanh quản hình tim, nghẻo trái, dài khoảng 222mm	Cái	1 cái/hộp	1	3	Panh vi phẫu thanh quản hình tim, nghẻo trái, dài khoảng 222mm, được làm bằng chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương. Đáp ứng yêu cầu lựa chọn chuyên môn	≥ 3 năm
94	Panh vi phẫu thanh quản hình tim, nghẻo phải, dài khoảng 222mm	Cái	1 cái/hộp	1	3	Panh vi phẫu thanh quản hình tim, nghẻo phải, dài khoảng 222mm, được làm bằng chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương. Đáp ứng yêu cầu lựa chọn chuyên môn	≥ 3 năm
95	Kẹp sinh thiết thanh quản, hàm loại thẳng, cỡ ≥ 2.5mm, chiều dài khoảng 224mm	Cái	1 cái/hộp	1	3	Kẹp sinh thiết thanh quản, hàm loại thẳng, cỡ ≥ 2.5mm, chiều dài khoảng 224mm, được làm bằng chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương. Đáp ứng yêu cầu lựa chọn chuyên môn	≥ 3 năm
96	Kẹp sinh thiết thanh quản, hàm cong lên, cỡ ≥ 2.5mm, chiều dài khoảng 220mm	Cái	1 cái/hộp	1	3	Kẹp sinh thiết thanh quản, hàm cong lên, cỡ ≥ 2.5mm, chiều dài khoảng 220mm, được làm bằng chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương. Đáp ứng yêu cầu lựa chọn chuyên môn	≥ 3 năm
97	Kẹp sinh thiết thanh quản, hàm loại thẳng	Cái	1 cái/hộp	1	3	Kẹp sinh thiết thanh quản, hàm loại thẳng, được làm bằng chất liệu thép không gỉ hoặc tương đương. Đáp ứng yêu cầu lựa chọn chuyên môn	≥ 3 năm
98	Tay cầm đèn đặt nội khí quản bao gồm bóng đèn	Cái	1 cái/ hộp	13	4	Cán tay cầm mạ Crom kim loại, đường kính 28mm, có bóng đèn tích hợp trong cán. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
99	Lưỡi đèn đặt nội khí quản	Cái	1 cái/ hộp	39	4	Lưỡi đèn số 0, 1,2,3,4. Chất liệu bằng thép không gỉ. Phù hợp với cán tay cầm đèn đặt nội khí quản hiện có tại Bệnh viện. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ	≥ 3 năm
100	Cán dao to	Cái	1 cái/ hộp	7	Nhóm 3	Cán dao phẫu thuật Fig. 4, dài 13.5 cm	≥ 3 năm
101	Cán dao nhỏ	Cái	1 cái/ hộp	5	Nhóm 3	Cán dao phẫu thuật Fig. 3, dài 12.5 cm	≥ 3 năm

102	Kẹp kim	Cái	1 cái/ hộp	3	Nhóm 3	Kẹp kim, hợp kim vonfram carbua, dài 12 cm	≥ 3 năm
103	Kim kẹp kim	Cái	1 cái/ hộp	3	Nhóm 3	Kẹp kim, hợp kim vonfram carbua, cực tinh xảo, chiều dài 17 cm	≥ 3 năm
104	Banh to	Cái	1 cái/ hộp	8	Nhóm 3	Banh vết mổ, size 43 x 13 mm, chiều dài 21 cm	≥ 3 năm
105	Bờ cào	Cái	1 cái/ hộp	3	Nhóm 3	Banh vết mổ, 2 đầu, 1 đầu có 3 răng móc sắc, đầu còn lại lưỡi tù, chiều dài 16 cm	≥ 3 năm
106	Móc 1 răng	Cái	1 cái/ hộp	4	Nhóm 3	Móc sắc, 1 răng, dài 21 cm	≥ 3 năm
107	Móc 2 răng	Cái	1 cái/ hộp	4	Nhóm 3	Móc sắc, 2 răng, dài 21 cm	≥ 3 năm
108	Dao lóc màng xương	Cái	1 cái/ hộp	2	Nhóm 3	Dao lóc màng xương, dài 13 cm	≥ 3 năm
109	Ống hút loại hình nón	Cái	1 cái/ hộp	4	Nhóm 3	Ống hút, hình nón, đường kính ngoài 3.5 mm, chiều dài làm việc 11 cm	≥ 3 năm
110	Ống hút loại gấp góc	Cái	1 cái/ hộp	4	Nhóm 3	Ống hút, gấp góc, có báng cầm dạng bịt lỗ, LUER, 3 mm, chiều dài làm việc 14 cm	≥ 3 năm
111	Ống hút Amidal	Cái	1 cái/ hộp	7	Nhóm 3	Ống hút amidal, dạng tiêu chuẩn, lỗ lớn, chiều dài 29 cm	≥ 3 năm
112	Panh kocher to có máu	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Panh đầu 1 x 2 máu, hàm khỏe, chiều dài 20 cm	≥ 3 năm
113	Ống hút thẳng có trục gá và lỗ cắt, đánh dấu khoảng cách từ 5-9 cm, 9 Fr., chiều dài 10 cm	Cái	1 cái/ hộp	2	Nhóm 3	Ống hút có trục gá và lỗ cắt, đánh dấu khoảng cách từ 5-9 cm, 9 Fr., chiều dài 10 cm	≥ 3 năm
114	Kim bấm hướng lên phía trên 90 độ cỡ 1mm, dài 17 cm	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Kim bấm Kerrison, có thể tháo rời, hướng lên phía trên 90 độ, không cắt xuyên qua, cỡ 1mm, dài 17 cm	≥ 3 năm
115	Kim bấm hướng xuống phía dưới 90 độ cỡ 1mm, dài 17 cm	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Kim bấm có thể tháo rời, hướng xuống phía dưới 90 độ không cắt xuyên qua, cỡ 1mm, dài 17 cm	≥ 3 năm
116	Kim găm xoang, cong lên 70 độ, kiểu mảnh, đường kính đầu 3.5mm, đường kính vỏ 2.5mm, dài 13 cm	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Kim găm xoang, cong lên 70 độ, kiểu mảnh, đường kính đầu 3.5mm, không cắt xuyên qua, phần phía trên cố định, phần phía dưới dịch chuyển, đường kính vỏ 2.5mm, kênh tưới trung tâm có khóa Luer dài 13 cm	≥ 3 năm
117	Lưỡi cắt bào xoang thẳng 4 mm, có kênh hút	Cái	1 cái/ hộp	60	Nhóm 3	Lưỡi bào xoang thẳng, có kênh hút, lưỡi cắt răng cưa kép, chiều dài 12 cm, đường kính 4 mm, màu xanh-vàng	≥ 3 năm
118	Lưỡi cắt bào xoang cong bụng 4 mm, 40 độ có kênh hút	Cái	1 cái/ hộp	25	Nhóm 3	Lưỡi bào xoang cong bụng 40°, có kênh hút, lưỡi cắt răng cưa ngược, răng cưa kép, chiều dài 12 cm, đường kính 4 mm, màu xanh-vàng	≥ 3 năm
119	Lưỡi cắt bào xoang cong bụng 4 mm, 65 độ có kênh hút, dài 12 cm	Cái	1 cái/ hộp	50	Nhóm 3	Lưỡi cắt bào xoang cong bụng 4 mm, 65 độ có kênh hút, dài 12 cm	≥ 3 năm
120	Kim găm xoang, thẳng, size 1, 13 cm	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Kim găm xoang, thẳng, cắt xuyên qua, lực mạnh mẽ, khả năng truyền lực đồng đều, kiểm soát lực nhẹ nhàng, thiết kế công thái học kiểu Blakesley, size 1, 13 cm	≥ 3 năm
121	Tay bào xoang dùng cho máy khoan bào đa năng Unidrive SIII ENT	Cái	1 cái/ hộp	2	Nhóm 3	Tay bào xoang dùng cho máy khoan bào đa năng Tối đa 10.000 vòng/phút cho lưỡi cạo và 12.000 vòng/phút cho lưỡi bào xoang Kênh hút thẳng Tích hợp kênh tưới Chạy êm, không rung Thiết kế cực kỳ nhẹ Tay cầm có thể tháo rời Điều chỉnh để theo dõi điều hướng	≥ 3 năm
122	Adapter vệ sinh tay bào xoang	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Đầu kết nối vệ sinh tay bào, có khóa	≥ 3 năm
123	Adapter vệ sinh lưỡi bào xoang	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Đầu kết nối để vệ sinh vỏ trong và ngoài lưỡi bào, có khóa LUER	≥ 3 năm
124	Dây tưới dịch dùng với máy khoan bào đa năng Unidrive S III ENT	Túi	10 cái/ túi	50	Nhóm 6	Dây tưới dịch, tiệt trùng, dùng với máy khoan bào đa năng	≥ 3 năm

125	Ống soi thẳng hướng 15 độ, đường kính 4mm dài 17 cm, hấp tiết khuẩn được	Cái	1 cái/ hộp	2	Nhóm 3	Ống soi thẳng hướng 15 độ, đường kính 4mm dài 17 cm, hấp tiết khuẩn được, góc đặt mắt 45 độ, tích hợp kênh sáng	≥ 3 năm
126	Optic thể hệ II 0 độ, đường kính 3 mm, chiều dài 14 cm	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Optic thể hệ II 0 độ, trường nhìn rộng, đường kính 3 mm, chiều dài 14 cm, có thể hấp tiết trùng, sử dụng cùng dây sợi quang truyền sáng, mã màu xanh lục	≥ 3 năm
127	Optic thể hệ II 45 độ, đường kính 3 mm, chiều dài 14 cm	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Optic thể hệ II 45 độ, trường nhìn rộng, đường kính 3 mm, chiều dài 14 cm, có thể hấp tiết trùng, sử dụng cùng dây sợi quang truyền sáng, mã màu xanh lục	≥ 3 năm
128	Ống kính nội soi quang học hướng nhìn 0 độ, đường kính 2.9 mm, dài 36 cm, có thể hấp tiết trùng	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Ống kính nội soi quang học hướng nhìn 0 độ, đường kính 2.9 mm, dài 36 cm, có thể hấp tiết trùng	≥ 3 năm
129	Ống soi treo thanh quản, tích hợp kênh để gắn ống kính nội soi, cho người lớn, chiều dài 18 cm, đầu ống mở rộng, đầu ống được thiết kế cong thích hợp cho nâng nắp thanh quản và tối ưu hóa quan sát mép trước thanh quản.	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Ống soi treo thanh quản, tích hợp kênh để gắn ống kính nội soi, cho người lớn, chiều dài 18 cm, đầu ống mở rộng, đầu ống được thiết kế cong thích hợp cho nâng nắp thanh quản và tối ưu hóa quan sát mép trước thanh quản. Kích thước ngoài của đầu ống: 20 x 24 mm Kích thước trong của đầu ống: 12 x 13.3 mm	≥ 3 năm
130	Ống soi thanh quản hạ họng, hình oval, cỡ 10x 14 mm, dài 20 cm	Cái	1 cái/ hộp	2	Nhóm 3	Ống soi thanh quản hạ họng, hình oval, cỡ 10x 14 mm, dài 20 cm	≥ 3 năm
131	Que dẫn sáng, dài 20cm, dùng cho ống soi hạ họng thanh quản	Cái	1 cái/ hộp	2	Nhóm 3	Que dẫn sáng, dài 20cm, dùng cho ống soi hạ họng thanh quản 12060S	≥ 3 năm
132	Tấm bảo vệ răng, bằng silicone	Cái	1 cái/ hộp	10	Nhóm 3	Tấm bảo vệ răng, bằng silicone	≥ 3 năm
133	Forceps cong sang phải, hàm 2 mm miệng chén, thân thuận dẫn về đầu xa, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	Cái	1 cái/ hộp	3	Nhóm 3	Forceps, cong sang phải, hàm 2 mm miệng chén, thân thuận dẫn về đầu xa, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	≥ 3 năm
134	Forceps , cong sang trái, hàm 2 mm miệng chén, thân thuận dẫn về đầu xa, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	Cái	1 cái/ hộp	3	Nhóm 3	Forceps, cong sang trái, hàm 2 mm miệng chén, thân thuận dẫn về đầu xa, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	≥ 3 năm
135	Forceps cong sang phải, miệng chén, thân thuận dẫn về đầu xa, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	Cái	1 cái/ hộp	3	Nhóm 3	Forceps KLEINSASSER, cong sang phải, miệng chén, thân thuận dẫn về đầu xa, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	≥ 3 năm
136	Forceps, cong sang trái, hàm 2 mm miệng chén, thân thuận dẫn về đầu xa, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	Cái	1 cái/ hộp	3	Nhóm 3	Forceps KLEINSASSER, cong sang trái, hàm 2 mm miệng chén, thân thuận dẫn về đầu xa, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	≥ 3 năm
137	Forceps, cong lên trên, hàm 2 mm miệng chén, thân thuận dẫn về đầu xa, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	Cái	1 cái/ hộp	3	Nhóm 3	Forceps, cong lên trên, hàm 2 mm miệng chén, thân thuận dẫn về đầu xa, có kênh vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	≥ 3 năm
138	Forceps kẹp gấp, tinh xảo, có răng, hàm hình tam giác, cong lên về bên phải, có đầu nối vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	Cái	1 cái/ hộp	3	Nhóm 3	Forceps kẹp gấp, tinh xảo, có răng, hàm hình tam giác, cong lên về bên phải, có đầu nối vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	≥ 3 năm
139	Forceps kẹp gấp, tinh xảo, có răng, hàm hình tam giác, cong lên về bên trái, có đầu nối vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	Cái	1 cái/ hộp	3	Nhóm 3	Forceps kẹp gấp, tinh xảo, có răng, hàm hình tam giác, cong lên về bên trái, có đầu nối vệ sinh, chiều dài làm việc 23 cm	≥ 3 năm
140	Kéo cắt chỉ, răng cưa, chiều dài 10 cm	Cái	1 cái/ hộp	5	Nhóm 3	Kéo cắt chỉ, răng cưa, chiều dài 10 cm	≥ 3 năm
141	Kéo, cong, tù/tù, chiều dài 13 cm	Cái	1 cái/ hộp	5	Nhóm 3	Kéo, cong, tù/tù, chiều dài 13 cm	≥ 3 năm
142	Kéo phẫu thuật cong, dài 15 cm	Cái	1 cái/ hộp	5	Nhóm 3	Kéo phẫu thuật, cong, dài 15 cm	≥ 3 năm
143	Forceps kẹp da, chèn hợp kim, rộng 1.8 mm, chiều dài 14.5 cm	Cái	1 cái/ hộp	5	Nhóm 3	Forceps kẹp da, chèn hợp kim, rộng 1.8 mm, chiều dài 14.5 cm	≥ 3 năm

144	Forceps kẹp mô, 1 x 2 răng, độ rộng tiêu chuẩn, chiều dài 14.5 cm	Cái	1 cái/ hộp	5	Nhóm 3	Forceps kẹp mô, 1 x 2 răng, độ rộng tiêu chuẩn, chiều dài 14.5 cm	≥ 3 năm
145	Forceps, kiểu mạnh mẽ, 1 x 2 răng, chiều dài 20 cm	Cái	1 cái/ hộp	5	Nhóm 3	Forceps, kiểu mạnh mẽ, 1 x 2 răng, chiều dài 20 cm	≥ 3 năm
146	Forceps, mảnh, thẳng, dài 20 cm	Cái	1 cái/ hộp	5	Nhóm 3	Forceps, mảnh, thẳng, dài 20 cm	≥ 3 năm
147	Kim kẹp kim, thân pha hợp kim, dài 13 cm	Cái	1 cái/ hộp	5	Nhóm 3	Kim kẹp kim, thân pha hợp kim, dài 13 cm	≥ 3 năm
148	Forceps kẹp gạc, chiều dài 9 cm	Cái	1 cái/ hộp	5	Nhóm 3	Forceps kẹp gạc, chiều dài 9 cm	≥ 3 năm
149	Ống hút, đầu cong 6 mm, có khóa, đường kính ngoài 1.2 mm, dài 10 cm	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Ống hút, đầu cong 6 mm, có khóa, đường kính ngoài 1.2 mm, dài 10 cm	≥ 3 năm
150	Ống hút, đầu cong 8 mm, có khóa, đường kính ngoài 1.2 mm, dài 10 cm	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Ống hút, đầu cong 8 mm, có khóa, đường kính ngoài 1.2 mm, dài 10 cm	≥ 3 năm
151	Ống hút, đầu cong 8 mm, có khóa, đường kính ngoài 1.6 mm, dài 10 cm	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Ống hút, đầu cong 8 mm, có khóa, đường kính ngoài 1.6 mm, dài 10 cm	≥ 3 năm
152	Tay cầm ống hút, dài 5.5 cm	Cái	1 cái/ hộp	1	Nhóm 3	Tay cầm ống hút, xê lô, khóa hình nón, chiều dài 5.5 cm, dùng cùng ống hút	≥ 3 năm
153	Ống soi treo thanh quản video, hai lưới có thể di chuyển mở rộng đường kính ống soi, có thể gắn optic nội soi, chiều dài 17 cm	Cái	1 cái/ hộp	2	Nhóm 3	Ống soi treo thanh quản video, hai lưới có thể di chuyển mở rộng đường kính ống soi, có thể gắn optic nội soi, chiều dài 17 cm	≥ 3 năm
154	Ống soi quang học 0 độ, đường kính 2,7mm, dài 110mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng	Cái	1 cái/ hộp	22	6	Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu của Bác sĩ Có thể kết nối với tất cả các máy nội soi Ống soi quang dẫn điểm sáng rõ ràng, sắc nét, được sử dụng bằng chất liệu kính Sapphire chống xước Ống soi được sử dụng bằng thép không gỉ, chất lượng cao Tiệt trùng được ở nhiệt độ 134°C Thông số kỹ thuật: 0 độ, đường kính 2.7mm, dài 110mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng	≥ 3 năm
155	Ống soi quang học 0 độ, đường kính 2,7mm, dài 90 mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng	Cái	1 cái/ hộp	17	6	Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu của Bác sĩ Có thể kết nối với tất cả các máy nội soi Ống soi quang dẫn điểm sáng rõ ràng, sắc nét, được sử dụng bằng chất liệu kính Sapphire chống xước Ống soi được sử dụng bằng thép không gỉ, chất lượng cao Tiệt trùng được ở nhiệt độ 134°C Thông số kỹ thuật: 0 độ, đường kính 2,7mm, dài 90mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng	≥ 3 năm
156	Ống soi quang học 0 độ, đường kính 2,7mm, dài 175 mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng	Cái	1 cái/ hộp	7	6	Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu của Bác sĩ Có thể kết nối với tất cả các máy nội soi Ống soi quang dẫn điểm sáng rõ ràng, sắc nét, được sử dụng bằng chất liệu kính Sapphire chống xước Ống soi được sử dụng bằng thép không gỉ, chất lượng cao Tiệt trùng được ở nhiệt độ 134°C Thông số kỹ thuật: 0 độ, đường kính 2.7mm, dài 175mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng	≥ 3 năm

157	Ống soi quang học 0 độ, đường kính 4 mm, dài 175 mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng	Cái	1 cái/ hộp	17	6	<p>Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu của Bác sĩ</p> <p>Có thể kết nối với tất cả các máy nội soi</p> <p>Ống soi quang dẫn điểm sáng đồ dạng, sắc nét, được sử dụng bằng chất liệu kính Sapphire chống xước</p> <p>Ống soi được sử dụng bằng thép không rỉ, chất lượng cao</p> <p>Tiệt trùng được ở nhiệt độ 134°C</p> <p>Thông số kỹ thuật: 0 độ, đường kính 4mm, dài 175mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng</p>	≥ 3 năm
158	Ống soi quang học 30 độ, đường kính 4 mm, dài 175 mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng	Cái	1 cái/ hộp	4	6	<p>- Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu của Bác sĩ</p> <p>- Có thể kết nối với tất cả các máy nội soi</p> <p>- Ống soi quang dẫn điểm sáng đồ dạng, sắc nét, được sử dụng bằng chất liệu kính Sapphire chống xước</p> <p>- Ống soi được sử dụng bằng thép không rỉ, chất lượng cao</p> <p>- Tiệt trùng được ở nhiệt độ 134°C</p> <p>- Thông số kỹ thuật: 30 độ, đường kính 4mm, dài 175mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng</p>	≥ 3 năm
159	Ống soi quang học 45 độ, đường kính 4 mm, dài 175 mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng	Cái	1 cái/ hộp	6	6	<p>Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu của Bác sĩ</p> <p>Có thể kết nối với tất cả các máy nội soi</p> <p>Ống soi quang dẫn điểm sáng đồ dạng, sắc nét, được sử dụng bằng chất liệu kính Sapphire chống xước</p> <p>Ống soi được sử dụng bằng thép không rỉ, chất lượng cao</p> <p>Tiệt trùng được ở nhiệt độ 134°C</p> <p>Thông số kỹ thuật: 45 độ, đường kính 4mm, dài 175mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng</p>	≥ 3 năm
160	Ống soi quang học 70 độ, đường kính 4 mm, dài 175 mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng	Cái	1 cái/ hộp	18	6	<p>Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được yêu cầu của Bác sĩ</p> <p>Có thể kết nối với tất cả các máy nội soi</p> <p>Ống soi quang dẫn điểm sáng đồ dạng, sắc nét, được sử dụng bằng chất liệu kính Sapphire chống xước</p> <p>Ống soi được sử dụng bằng thép không rỉ, chất lượng cao</p> <p>Tiệt trùng được ở nhiệt độ 134°C</p> <p>Thông số kỹ thuật: 70 độ, đường kính 4mm, dài 175mm, dùng cho khám Tai Mũi Họng</p>	≥ 3 năm
161	Dao cắt cầm máu siêu âm (lưỡi cong, chiều dài cán 9cm)	Cái	6 cái/ hộp	50	4	<p>Dao cắt cầm máu siêu âm mở mở lưỡi cong, chiều dài cán 9cm kết hợp với dây dao HPBLUE. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ</p>	≥ 3 năm
162	Dây dao siêu âm dùng cho mở mở	Cái	1 cái/ hộp	6	4	<p>Dây dao siêu âm mở mở màu xanh chuyển dao động 55.500 lần/giây (cho máy GEN11). Sử dụng 100 lần. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ</p>	≥ 3 năm
163	Phim XQ số hóa 35cm x 43cm dùng cho chụp cộng hưởng từ	Hộp	100 tờ/ hộp	450	3	<p>Phim khô Laser cỡ 35x43 cm, loại phim nền xanh, nhạy sáng, hộp 100 tờ sử dụng công nghệ Eco Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Tương thích với máy in phim hiện đang sử dụng tại bệnh viện.</p>	≥ 2 năm
164	Phim XQ số hóa cỡ 25 x 30cm	Hộp	125 tờ/ hộp	300	3	<p>Phim khô Laser cỡ 25 x 30 cm (10x12 inch). Được thiết kế các lớp đệm từ vùng mật độ thấp đến vùng mật độ cao. Tương thích với máy in phim hiện đang sử dụng tại bệnh viện.</p>	≥ 2 năm
165	Phim XQ số hóa cỡ 20 x 25cm	Hộp	125 tờ/ hộp	200	3	<p>Phim khô Laser cỡ 20 x 25cm (8x10 inch). Được thiết kế các lớp đệm từ vùng mật độ thấp đến vùng mật độ cao. Tương thích với máy in phim hiện đang sử dụng tại bệnh viện.</p>	≥ 2 năm

166	Mặt nạ (Lưới nhựa cố định đầu) tương thích với hệ thống cố định Elekta	Cái	1 cái/ hộp	200	6	Lưới nhựa cố định đầu, tương thích với hệ thống cố định Elekta. Lưới nhựa chịu nhiệt, nhiệt độ tối ưu 73 độ C. Có lỗ nhỏ ngay vị trí mũi bệnh nhân. Tỉ lệ lỗ trên lưới nhựa: 12% Độ dày lưới nhựa: 2.4 mm	≥ 2 năm
167	Mặt nạ (Lưới nhựa cố định đầu, cổ và vai) tương thích với hệ thống cố định Elekta	Cái	1 cái/ hộp	300	6	Lưới nhựa cố định đầu, cổ và vai, tương thích với hệ thống cố định Elekta Lưới nhựa chịu nhiệt, nhiệt độ tối ưu 73 độ C. Có lỗ nhỏ ngay vị trí mũi bệnh nhân. Tỉ lệ lỗ trên lưới nhựa: 12% Độ dày lưới nhựa: 2.4 mm	≥ 2 năm
168	Sản phẩm đánh dấu vùng đầu trong chụp CT	Hộp	110 balls/ hộp	15	6	Kích cỡ 20mm, tương thích với hệ thống cố định Elekta	≥ 2 năm
169	Chì đổ khuôn trong xạ trị (dạng bánh hoặc thanh)	Kg	1 kg/ hộp	10	6	Nhiệt độ nóng chảy ~70 độ C, tỉ trọng: 9,38g/cm ³ , tương thích với hệ thống cố định Elekta	≥ 2 năm
170	Giấy in siêu âm đen trắng (loại siêu bóng). Kích thước: 110 mm x 18m	Cuộn	10 cuộn/ hộp	250	3	Chất liệu: Giấy in nhiệt. Kích thước chuẩn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện đang sử dụng. Bản in đẹp, rõ ràng.	≥ 2 năm
171	Sợi đốt súng điện tử cho máy xạ trị gia tốc	Cái	1 cái/ hộp	1	Không phân nhóm	- Chức năng: Phát xạ electron vào ống dẫn sóng để tạo chùm electron. Đặc tính kỹ thuật: - Vật liệu sợi đốt: 100% Tungsten - Đường kính sợi đốt: 0.3mm - Chiều dài sợi đốt: ~2.64 cm - Điện trở: 0.054 Ohms (± 3% tại nhiệt độ 250C) - Nhiệt độ hoạt động bình thường: 2226 0C/ 4038 0F - Mức chân không hoạt động: ≥10-5 Torr.	≥ 2 năm
172	Bộ phân xạ quang học lá MLC	Cái	1 cái/ hộp	1	Không phân nhóm	- Bộ kit sử dụng dán lên các lá chì để phát hiện vị trí từng lá chì MLC - Vật liệu: Tấm phân xạ quang học	≥ 2 năm
173	Ống dẫn khí Heli cho máy cộng hưởng từ Magnetom Avanto	Cái	1 cái/ hộp	1	Không phân nhóm	Ống dẫn khí Heli bằng thép loại có thể uốn cong. Vỏ ngoài là thép không gỉ dạng xoắn. Bên trong là ống đồng nên có thể uốn cong. - Thiết kế chịu được áp 400 psi nhưng khi hoạt động thì áp suất hoạt động lớn nhất của máy nén F70 là: 350psi và đường dây supply sẽ chịu áp suất lớn nhất là 350 psi. - Có các đầu nối gắn liền với dây để nối giữa đầu làm lạnh coldhead và máy nén Heli F70 (Không bao gồm 02 góc chữ L ở đầu máy nén Heli F70). - Ống kết nối giữa đầu làm lạnh coldhead và máy nén Heli F70. - Phụ kiện kèm theo ống chỉ gồm hai ống dây Heli. - Dài khoảng 20m - Đường kính: khoảng 3cm	≥ 2 năm
174	Giấy điện tim 6 cần (dùng cho máy Cardino 601 Suzuken)	Cuộn	10 cuộn/ túi	500	Không phân nhóm	Chất liệu: Giấy in nhiệt. Kích thước chuẩn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện đang sử dụng. Bản in đẹp, rõ ràng.	≥ 2 năm
175	Mực in các màu cho máy in ảnh nội soi màu	Lọ	70ml/ lọ	325	Không phân nhóm	Không có cặn, chất lượng mực bảo đảm, tránh hư hại đầu phun, cho bản in sắc nét, rõ ràng. Tương thích với máy in ảnh nội soi màu hiện đang sử dụng tại bệnh viện	≥ 2 năm
176	Giấy in kết quả nội soi màu. Kích thước: 100mm x 90mm	Hộp	240 tờ/ hộp	830	3	Chất lượng hình ảnh sắc nét, không lem màu, kháng nước. Bao gồm 3 tập x 80 tờ và 3 ribbon mực màu. Kích thước 100 x 90mm, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện đang sử dụng. Bản in đẹp, rõ ràng.	≥ 2 năm
177	Giấy in kết quả nội soi màu. Kích thước: 210mm x 297mm	Tập	20 tờ/ tập	1105	Không phân nhóm	Chất lượng hình ảnh cao, không lem màu, kháng nước. Bao gồm 20 tờ/ tập. Kích thước 210mm x 297mm, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện đang sử dụng. Bản in đẹp, rõ ràng.	≥ 2 năm

178	Bóng đèn Halogen có chóa 12V/100W, 15 V/ 150W, 24V/ 150W, 250W (Máy khám nội soi, Đèn mô trần, Kính hiển vi)	Cái	20 cái/ hộp	20	Không phân nhóm	Điện áp 12V/ 150W, 15 V/ 150W, 24V/ 150W, 250W. Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có của Bệnh viện.	≥ 2 năm
179	Bóng đèn Halogen không chóa 24 V/ 150W, 250W (Máy khám nội soi, Đèn mô trần)	Cái	40 cái/ hộp	40	Không phân nhóm	Điện áp 24 V/ 150W, 250W. Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có của Bệnh viện.	≥ 2 năm
180	Dây dẫn sáng (Cho máy khám nội soi) (1800mm)	Cái	1 cái/ hộp	14	6	Chiều dài 1800 mm. Phù hợp kỹ thuật máy khám nội soi đáp ứng yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 2 năm
181	Bộ chụp tai đo đường khí đạo có chống ồn dùng cho Máy đo thính lực	Bộ	1 bộ/ hộp	3	3	Dải tần số đáp ứng: 125 - 8.000 Hz Trở kháng: 10 ohm Phí hip kỹ thuật với máy đo thính lực hiện có của Bệnh viện	≥ 2 năm
182	Bộ khối rung đo đường cốt đạo (đường xương) dùng cho Máy đo thính lực	Bộ	1 bộ/ hộp	3	3	Dải tần số đáp ứng: 125 - 8.000 Hz Trở kháng: 10 ohm Phí hip kỹ thuật với máy đo thính lực hiện có của Bệnh viện	≥ 2 năm
183	Dây nối chụp tai đo đường khí (dùng cho máy đo thính lực)	Cái	1 cái/ hộp	5	3	Dải tần số đáp ứng: 125 - 8.000 Hz Trở kháng: 10 ohm Phí hip kỹ thuật với máy đo thính lực hiện có của Bệnh viện	≥ 2 năm
184	Dây nối khối rung đo đường xương (dùng cho máy đo thính lực)	Cái	1 cái/ hộp	5	3	Dải tần số đáp ứng: 125 - 8.000 Hz Trở kháng: 10 ohm Phù hợp kỹ thuật với máy đo thính lực hiện có của Bệnh viện	≥ 2 năm
185	Nút bấm báo hiệu của Bệnh nhân (Dùng cho máy đo thính lực)	Cái	1 cái/ hộp	3	3	Trở kháng: 10 ohm Phù hợp kỹ thuật với máy đo thính lực hiện có của Bệnh viện	≥ 2 năm
186	Điện cực dùng cho đo thính lực	Cái	30 cái/ túi	10000	3	Bề mặt tiếp xúc dạng gel, tiếp xúc ổn định, chất lượng truyền tín hiệu cao, độ kết dính tốt, dễ dán, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân	≥ 2 năm
187	Gel làm sạch da	Tuyp	3 tuyp/ hộp	21	3	Gel để đánh da, giảm trở kháng trên da, trọng lượng 114g, pH khoảng 7,0, phù hợp với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 2 năm
188	Đầu đo máy đo nhĩ lượng GSI TympStar			1	3	- Tần số: 226 Hz, cường độ 85dB SPL±1,5 dB - Tần số: 678 Hz, cường độ 72dB SPL± 3dB - Tần số: 1000 Hz, cường độ 69dB SPL±1,5 dB Phù hợp với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 2 năm
189	Đầu đo máy đo nhĩ lượng GSI TympStar Pro			1	3	- Tần số: 226 Hz, cường độ 85dB SPL±1,5 dB - Tần số: 678 Hz, cường độ 72dB SPL± 1,5 dB - Tần số: 1000 Hz, cường độ 69dB SPL±1,5 dB Phù hợp với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 2 năm
190	Dây đầu đo nhĩ lượng cho máy GSI TympStar Pro			1	3	Dây đầu đo nhĩ lượng cho máy GSI TympStar Pro, dài 40 cm, phù hợp với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 2 năm
191	Máy in nhiệt cho máy đo nhĩ lượng MI24			1	3	Máy in nhiệt cho máy đo nhĩ lượng MI24, phù hợp với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 2 năm
192	Đầu đo nhĩ lượng chẩn đoán cho máy đo nhĩ lượng Madsen Otoflex 100	Cái	1 cái/ hộp	1	Không phân nhóm	Đầu đo nhĩ lượng chẩn đoán cho máy đo nhĩ lượng Madsen Otoflex 100 Đầu đo nhĩ lượng tương thích cho máy đo nhĩ lượng chẩn đoán Madsen Otoflex 100: 01 Đầu lọc bụi: 01 Que thông vệ sinh đầu tip đo: 01	≥ 2 năm
193	Vôi Soda (dùng cho Máy Gây mê kèm thở)	Can	5kg/ Can	130	3	Hàm lượng NaOH khoảng 3,01%. Độ cứng 96,3%, độ ẩm 15,4%, mật độ khoảng 93g/dm ³ . Có sự sắp xếp xen kẽ giữa hạt nhỏ và hạt lớn. Loại 2,35mm chiếm khoảng 93%, độ hấp thụ CO ₂ phải rất tốt.	≥ 2 năm
194	Lưỡi dao cắt tiêu bản Dùng cho Máy cắt tiêu bản Giải phẫu bệnh)	Hộp	50 cái/ hộp	50	3	Chất liệu bằng thép không gỉ được bọc bởi giấy mềm tráng paraffin. Kích thước: 0.258 x 8 x 80 mm, góc nghiêng 35 độ	≥ 3 năm

195	Que thử nước tiểu 10 thông số dùng cho máy Climix Siemens	Hộp	100 que/hộp	360	1	Xét nghiệm 10 thông số cơ bản của nước tiểu. Trên thanh thử có miếng dán kiểm tra có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động.	≥ 1 năm
196	Test chuẩn âm tính cho máy nước tiểu	Hộp	Hộp / 25 test	15	1	Các chỉ số kiểm tra: máu, đường, bilirubin, pH, creatinine, ketone, mau, urobilinogen, nitrit, bạch cầu, tỉ trọng cầu, tỉ trọng	≥ 1 năm
197	Test chuẩn dương tính cho máy nước tiểu	Hộp	Hộp / 25 test	15	1	Các chỉ số kiểm tra: máu, đường, bilirubin, pH, creatinine, ketone, mau, urobilinogen, nitrit, bạch cầu, tỉ trọng cầu, tỉ trọng	≥ 1 năm
198	Giấy in nhiệt cho máy nước tiểu	cuộn	10 cuộn/hộp	10	6	Kích thước chuẩn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện đang sử dụng. Bản in đẹp, rõ ràng.	≥ 2 năm
199	Đầu côn vàng, côn xanh (Máy sinh hóa, huyết học)	Cái	1000 cái/ túi	60000	6	Chất liệu nhựa y tế, phi híp kũ thuỄt vớ m,y hiỒn cũ cũa BỒnh viỒn.	≥ 3 năm
200	Que thử hóa học cho máy STERRAD (Máy nhiệt độ thấp Hộp/ 1000 que)	Hộp	1000 que/hộp	50	3	Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện	≥ 1 năm
201	Giấy cuộn 150mm x 70m cho máy STERRAD (Máy nhiệt độ thấp)Thùng/ 4 cuộn	Cuộn	4 cuộn/thùng	50	6	- Chất liệu: lớp giấy dày 65gsm và nhựa chịu được nhiệt 50°C - 55°C - Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu nhiệt độ thấp, không chứa chì. Có chỉ thị hóa học chuyển từ màu Tím sang Đỏ rượu Kích thước: 150mmx70m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện	≥ 3 năm
202	Giấy cuộn 100mm x 70m cho máy STERRAD (Máy nhiệt độ thấp)Thùng/ 6 cuộn	Cuộn	6 cuộn/thùng	65	6	- Chất liệu: lớp giấy dày 65gsm và nhựa chịu được nhiệt 50°C - 55°C - Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu nhiệt độ thấp, không chứa chì. Có chỉ thị hóa học chuyển từ màu Tím sang Đỏ rượu Kích thước: 100mmx70m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện	≥ 3 năm
203	Giấy dán cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp loại 200mm	Cuộn	Cuộn/ 70m	30	6	- Chất liệu: lớp giấy dày 65gsm và nhựa chịu được nhiệt 50°C - 55°C - Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu nhiệt độ thấp, không chứa chì. Có chỉ thị hóa học chuyển từ màu Tím sang Đỏ rượu Kích thước: 200mmx70m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện	≥ 3 năm
204	Giấy dán cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp loại 250mm	Cuộn	Cuộn/ 70m	20	6	- Chất liệu: lớp giấy dày 65gsm và nhựa chịu được nhiệt 50°C - 55°C - Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu nhiệt độ thấp, không chứa chì. Có chỉ thị hóa học chuyển từ màu Tím sang Đỏ rượu Kích thước: 250mmx70m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện	≥ 3 năm
205	Giấy dán cho máy tiệt trùng nhiệt độ thấp loại 350mm	Cuộn	Cuộn/ 70m	50	6	- Chất liệu: lớp giấy dày 65gsm và nhựa chịu được nhiệt 50°C - 55°C - Giấy y tế đặc biệt, được in các chất chỉ thị khử trùng đổi màu nhiệt độ thấp, không chứa chì. Có chỉ thị hóa học chuyển từ màu Tím sang Đỏ rượu Kích thước: 350mmx70m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện	≥ 3 năm

206	Chi thị sinh học chứa 1 triệu bào tử Geobaccillus sterothermophilus	Hộp	Hộp/60 ống	4	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chi thị sinh học 48 giờ, dùng trong kiểm tra tiết khuẩn hơi nước ở nhiệt độ 121oC hoặc 132oC. Nắp màu nâu. - Ống đóng sẵn giúp kết quả chính xác hơn và loại bỏ nguy cơ nhiễm chéo, dương tính giả - Giám sát khối; giám sát tiết khuẩn - Mã màu giúp truy xuất nhanh và dễ dàng. - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 1 năm
207	Băng keo chi thị nhiệt hấp ướat Kích thước: 24mm x 55m	Cuộn	1 cuộn/ túi	600	6	<ul style="list-style-type: none"> -Không chứa cao su tự nhiên. - Độ dính tốt, đáng tin cậy. - Mực không chứa Chì, không phải rác nguy hại. - Băng co giãn , tránh bung băng trong quá trình tiết khuẩn. - Có thể viết lên các nhãn đã in sẵn. - Kích thước: 24mm x 55m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
208	Giấy dán cho máy hấp hơi nước loại 50mm	Cuộn	Cuộn/ 200m	8	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiết trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 50mmx200m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
209	Giấy dán cho máy hấp hơi nước loại 75mm	Cuộn	Cuộn/ 200m	5	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiết trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 75mmx200m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
210	Giấy dán cho máy hấp hơi nước loại 100mm	Cuộn	Cuộn/ 200m	8	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiết trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 100mmx200m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
211	Giấy dán cho máy hấp hơi nước loại 150mm	Cuộn	Cuộn/ 200m	8	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiết trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 150mmx200m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm

212	Giấy dán cho máy hấp hơi nước loại 200mm	Cuộn	Cuộn/ 200m	8	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiệt trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 200mmx200m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
213	Giấy dán cho máy hấp hơi nước loại 250mm	Cuộn	Cuộn/ 200m	8	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiệt trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 250mmx200m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
214	Giấy dán cho máy hấp hơi nước loại 300mm	Cuộn	Cuộn/ 200m	8	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiệt trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 300mmx200m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
215	Giấy dán cho máy hấp hơi nước loại 350mm	Cuộn	Cuộn/ 200m	8	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiệt trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 350mmx200m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
216	Giấy dán cho máy hấp hơi nước loại 400mm	Cuộn	Cuộn/ 200m	8	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiệt trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 400mmx200m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
217	Giấy dán dạng phòng cho máy hấp hơi nước loại 75 x 100mm	Cuộn	Cuộn/ 100m	50	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiệt trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 75mmx100m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm

218	Giấy dán dạng phòng cho máy hấp hơi nước loại 100 x 100mm	Cuộn	Cuộn/ 100m	40	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiệt trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 100mmx100m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
219	Giấy dán dạng phòng cho máy hấp hơi nước loại 150 x 100mm	Cuộn	Cuộn/ 100m	40	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiệt trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 150mmx100m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
220	Giấy dán dạng phòng cho máy hấp hơi nước loại 200 x 100mm	Cuộn	Cuộn/ 100m	80	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiệt trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 200mmx100m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
221	Giấy dán dạng phòng cho máy hấp hơi nước loại 250 x 100mm	Cuộn	Cuộn/ 100m	8	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiệt trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 250mmx100m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
222	Giấy dán dạng phòng cho máy hấp hơi nước loại 300 x 100mm	Cuộn	Cuộn/ 100m	8	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiệt trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 300mmx100m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
223	Giấy dán dạng phòng cho máy hấp hơi nước loại 350 x 100mm	Cuộn	Cuộn/ 100m	8	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiệt trùng: hơi nước(Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 350mmx100m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm

224	Giấy dán dạng phòng cho máy hấp hơi nước loại 400 x 100mm	Cuộn	Cuộn/ 100m	8	6	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: lớp giấy dày 70gr và nhựa (BLUE/GREEN) chịu được nhiệt 121°C - 140°C - Giấy y tế màu trắng không mùi, không gây độc hại, chống ẩm, chống vi khuẩn xâm nhập - Thích hợp cho cả 2 qui trình tiệt trùng: hơi nước (Chuyển từ màu Hồng sang Nâu Đậm) và khí EO (Chuyển từ màu xanh sang Nâu vàng) Kích thước: 400mmx100m - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 3 năm
225	Que thử kiểm tra kiểm soát độ vôi dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ cao	Hộp	240 que/ hộp	100	3	<ul style="list-style-type: none"> - Vạch màu trắng của chỉ thị tiệt trùng hơi nước sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua quá trình khử trùng của máy hấp tiệt trùng hơi nước. - Thông số: 1,5 x20 cm - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 1 năm
226	Que chỉ thị hóa học kiểm soát dụng cụ dùng cho máy tiệt trùng nhiệt độ cao	Hộp	500 miếng/ hộp	120	3	<ul style="list-style-type: none"> - Đo lường 3 thông số của quá trình tiệt trùng - Kiểm tra các thông số của quá trình khử trùng: thời gian, nhiệt độ, áp suất hơi nước có đạt yêu cầu tiệt trùng hay không. - Với công nghệ vạch màu chạy mặt trước giúp dễ dàng nhìn thấy và kiểm chứng kết quả tiệt trùng có đạt hay không. - Thông số: 5,1cm x 1,9cm - Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện 	≥ 1 năm
227	Hộp hóa chất khử trùng dùng cho máy hấp tiệt trùng S130/ S130D	Hộp	15 cassettes /hộp	50	6	Hóa chất cho máy hấp Plasma, thành phần H2O2 (Hydro Peroxit 50%, đóng gói cassettes. Lưu trữ: 2-8 độ trong tủ lạnh	≥ 1 năm
228	Hộp hóa chất khử trùng dùng cho máy hấp tiệt trùng S90	Hộp	15 cassettes /hộp	50	6	Hóa chất cho máy hấp Plasma, thành phần H2O2 (Hydro Peroxit 50%, đóng gói cassettes. Lưu trữ: 2-8 độ trong tủ lạnh	≥ 1 năm
229	Bộ bảo dưỡng PM Kit - 1 dùng cho máy RENO-S90 và máy RENO S130D			6	6	Bao gồm: Dầu máy: 1L x 3 Phin lọc carbon hoạt tính x 1 Gioăng cao su (đầu vào và đầu ra) x 1 Giấy dầu và găng tay x 1 Thùng chứa dầu 3L x 1 Phiếu x 1 Túi nhựa x 1	≥ 1 năm
230	Bộ bảo dưỡng PM Kit - 2 dùng cho máy RENO-S90 và máy RENO S130D			6	6	Bộ lọc dầu x 1 Gioăng chống nhiệt x 1 Kẹp NW25 x 1	≥ 1 năm
231	Bộ bảo dưỡng PM Kit - 3 dùng cho máy RENO-S90 và máy RENO S130D			6	6	Bộ lọc Catalyst x 1 Bộ lọc HEPA x 1 Van bơm x 2 Gioăng đệm cửa x 1	≥ 1 năm
232	Gói chỉ thị sinh học cho máy tiệt trùng Plasma	Ống	30 gói/ hộp	360	6	Chỉ thị sinh học cho máy tiệt trùng Plasma, bảo quản ở nhiệt độ 15 - 30 độ	≥ 18 tháng
233	Giấy in nhiệt dùng để in kết quả khử trùng, quá trình vận hành máy dùng cho máy tiệt trùng Plasma	Cuộn	5 cuộn/ gói	100	6	Dùng để in kết quả khử trùng, quá trình vận hành máy... Dành cho máy Plasma của Renosem	≥ 3 năm
234	Gói thử chức năng của máy hấp ướt Bowie Dick	Gói	30 gói/ thùng	600	3	Tờ cảnh báo giúp phát hiện sớm nguy cơ hỏng hóc của lò tiệt khuẩn. Dùng cho lò hơi nước hút chân không chu trình tiệt khuẩn 132 độ C - 134 độ C	≥ 1 năm
235	Hoá chất xét nghiệm PT (dùng để đo thời gian) (PT)	Hộp	Hộp/ 5ml x 8	75	3	Dùng để đo thời gian Prothrombin (PT) Thành phần có mô não thỏ cùng với Canxi Chloride, các chất bảo quản và các chất ổn định	≥ 2 năm

236	Hoá chất xét nghiệm APTT (dùng để đo thời gian thromboplastin từng phần được hoạt hoá) (APTT)	Hộp	Hộp/ 5ml x 5, 5ml x 5	85	3	Dùng để đo thời gian thromboplastin từng phần được hoạt hóa (APTT). - Thành phần có hạt kích hoạt dạng keo(manganese-silicate) cho độ nhạy tối ưu với các yếu tố thiếu hụt và Heparin. Hóa chất cũng chứa Phospholipids với các chất đệm và ổn định. -Calcium Chloride 0.025M : dung dịch canxi Chloride nồng độ 0.025M	≥ 2 năm
237	Hoá chất xét nghiệm Fibrigen (dùng để định lượng Fibrinogen bằng phương pháp trực tiếp)	Hộp	Hộp/ 2ml x 10	75	3	Dùng để định lượng Fibrinogen bằng phương pháp trực tiếp (FIB) Mỗi lọ chứa xấp xỉ 100 đơn vị NIH/1ml bovine thrombin cùng chất ổn định.	≥ 2 năm
238	Hoá chất xét nghiệm Imidazole buffer (sử dụng trong xét nghiệm đông máu cho phép định lượng nồng độ Fibrinogen trong huyết tương)	Hộp	Hộp/ (25ml/10)	18	3	Là chất xúc tác được sử dụng trong xét nghiệm đông máu cho phép định lượng nồng độ Fibrinogen trong huyết tương. Hóa chất được sử dụng bằng phương pháp thủ công, trên các máy xét nghiệm đông máu bán tự động hoặc tự động hoàn toàn. Mỗi lọ hóa chất chứa dung dịch Imidazol buffer nồng độ 0.05M cùng với natri chloride và natri azide (<0.1%) như là chất bảo quản PH 7.3+-0.10.	≥ 2 năm
239	Hoá chất xét nghiệm Kaolin Suspension(sử dụng trong xét nghiệm đông máu cho phép định lượng nồng độ Fibrinogen trong huyết tương)	Lọ	Lọ/ 100ml	28	3	Là chất xúc tác được sử dụng trong xét nghiệm đông máu cho phép định lượng nồng độ Fibrinogen trong huyết tương. Hóa chất được sử dụng bằng phương pháp thủ công, trên các máy xét nghiệm đông máu bán tự động hoặc tự động hoàn toàn. Mỗi lọ hóa chất chứa dung dịch Imidazol nồng độ 0.05M cùng với natri chloride và natri azide (<0.1%) như là chất bảo quản PH 7.3+-0.10	≥ 2 năm
240	Mẫu QC nội kiểm mức bình thường (dùng để chạy nội kiểm mức bình thường)	Hộp	Hộp/1ml x 10	20	3	Dùng để chạy nội kiểm mức bình thường. Được dùng cho mục đích kiểm tra chất lượng mức bình thường, kéo dài vừa phải, đặc biệt kéo dài của PT,APTT cũng như của FIB,TCT,ATIII.	≥ 2 năm
241	Mẫu QC nội kiểm mức bất thường (dùng để chạy nội kiểm mức bất thường)	Hộp	Hộp/1ml x 10	25	3	Dùng để chạy nội kiểm mức bất thường. Được dùng cho mục đích kiểm tra chất lượng mức bình thường, kéo dài vừa phải, đặc biệt kéo dài của PT,APTT cũng như của FIB,TCT,ATIII.	≥ 2 năm
242	Hoá chất rửa máy (dùng để rửa máy, dạng nước)	Hộp	hộp (16 x 15 ml)	50	3	Dùng để rửa máy, dạng nước. Bảo quản ở nhiệt độ phòng	≥ 2 năm
243	Dung dịch rửa máy đậm đặc (Dùng cho máy Celldyn 1800 và Celldyn Ruby).	Chai	Chai/ 100ml	15	3	- Dung dịch rửa máy - Thành phần: Surfactants, Quaternary ammonium salts, Proteolytic enzyme, Sodium Hydrogen Phosphate, Sodium Azide , Stains - Tiêu chuẩn: ISO, CE	≥ 2 năm
244	Dung dịch rửa máy (Dùng cho Máy Celldyn CD1800)	Thùng	Thùng/ 20l	12	3	- Dung dịch rửa hồng cầu, bạch cầu - Thành phần: Sodium Sulphate, Sodium Hydrogen Phosphate, Sodium Dihydrogen Phosphate, Sodium Chloride, Inorganic Phosphate buffer, Sodium Hydroxide, Preservative - Tiêu chuẩn: ISO, CE	≥ 2 năm
245	Dung dịch đo HGP (Dùng cho Máy Celldyn CD 1800)	Thùng	Thùng/ 05 l	5	3	- Dung dịch phá vỡ hồng cầu, đo HGB - Thành phần: Quaternary Ammonium salts, Sodium Sulphate , Surfactant - Tiêu chuẩn : ISO , CE	≥ 2 năm
246	Dung dịch pha loãng (Dùng cho Máy Celldyn CD 1800)	Thùng	Thùng/ 20l	30	3	- Dung dịch pha loãng Hồng cầu, bạch cầu - Thành phần: Sodium Sulfate, Sodium Hydrogen Phosphate, Sodium Chloride, Sodium Dihydrogen Phosphate,Urea salts, Sodium Azide, Sodium Hydroxide, EDTA, Preservative - Tiêu chuẩn: ISO , CE	≥ 2 năm
247	Mẫu chuẩn máy Para 12 extend (Dùng cho máy Celldyn CD 1800)	Hộp	Hộp/ 2,5mlx3	12	3	- Dung dịch chuẩn (control) máy, phát hiện những trục trặc của hệ thống máy một cách nhanh chóng và chính xác. - Tiêu chuẩn: ISO, FDA	≥ 2 năm

248	Dung dịch pha loãng (Dùng cho máy Celldyn Ruby)	Thùng	Thùng/ 20l	50	3	- Dung dịch pha loãng Hồng cầu, bạch cầu - Thành phần: Sodium Hydrogen Phosphate, Sodium Chloride, Active alcohol, Sodium Fluoride, Potassium Chloride, Potassium dihydrogen phosphate, EDTA; Preservative, Urea salts - Tiêu chuẩn: ISO, CE	≥ 2 năm
249	Dung dịch đếm tế bào bạch cầu (Dùng cho máy Celldyn Ruby)	Thùng	Thùng/ 05l	25	3	-Dung dịch phân tích bạch cầu - Thành phần: 2-Butoxyethanol , 2-Phenoxethanol , Sodium Chloride, Tris buffer, Surfactant - Tiêu chuẩn: ISO, CE	≥ 2 năm
250	Dung dịch Cymet Ruby đo HGB (Dùng cho máy Celldyn Ruby)	Thùng	Thùng/ 05l	10	3	- Dung dịch ly giải hồng cầu, bạch cầu - Thành phần: Quaternary Ammonium salts, Sodium Sulphate , Surfactant - Tiêu chuẩn : ISO , CE	≥ 2 năm
251	Mẫu chuẩn máy Para 12 Plus (Dùng cho máy Celldyn Ruby)	Hộp	Hộp/ 3 x 3ml	25	3	- Dung dịch chuẩn (control) máy, phát hiện những trục trặc của hệ thống máy đếm lazer một cách nhanh chóng và chính xác. Tiêu chuẩn: ISO, FDA	≥ 2 năm
252	Chất thử chẩn đoán thời gian Prothrombin (Prothrombin Time)	Hộp	5x4ml + 1x20ml	120	3	Hộp gồm (5 lọ x 4ml Thromboplastin + 1 lọ x 20ml Buffer), đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE	≥ 2 năm
253	Chất thử chẩn đoán thời gian Thromboplastin từng phần được hoạt hoá (Activated Partial Thromboplastin Time)	Hộp	5x4ml + 1x20ml	180	3	Hộp gồm (5 lọ 4ml contact activator + 1 lọ x 20ml calcium chlorice), đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE	≥ 2 năm
254	Chất thử định lượng Fibrinogen máu	Hộp	5x2ml + cont + std	120	3	Hộp gồm (5 lọ 2ml + Cont + Std), đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE	≥ 2 năm
255	Hóa chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm đông máu thông thường	Lọ	1x1ml	250	3	Lọ 1ml, đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE	≥ 2 năm
256	Hóa chất kiểm soát chất lượng xét nghiệm đông máu dài cao	Lọ	1x1ml	500	3	Lọ 1ml, đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE	≥ 2 năm
257	Hóa chất chuẩn máy xét nghiệm đông máu	Lọ	1x1ml	30	3	Lọ 1ml, đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE	≥ 2 năm
258	Dung dịch pha loãng dùng cho máy xét nghiệm huyết học DxH600	Hộp	10 L	200	6	Sử dụng như một dung dịch đệm pha loãng đẳng trương kết hợp với một tác nhân ly giải không chứa cyanide dùng để đếm và định cỡ các tế bào máu trên hệ thống phân tích tế bào tự động - Thành phần: Sodium Sulfate 13.73 g/L, Sodium Chloride 1.04 g/L, Tetracaine HCL 0.02 g/L, Imidazole 2.85 g/L	≥ 1 năm
259	Dung dịch ly giải dùng cho máy xét nghiệm huyết học DxH600	Hộp	5 L	30	6	Chất ly giải hồng cầu để định lượng hemoglobin, đếm NRBC, đếm và đo kích thước bạch cầu trên hệ thống phân tích tế bào huyết học - Thành phần: Quaternary Ammonium Salts 5-80 g/L, Sodium Sulfite 1-5 g/L, Chất ổn định, Chất đệm	≥ 1 năm
260	Dung dịch phân tích năm thành phần bạch cầu dùng cho máy xét nghiệm huyết học DxH600	Hộp	1900 ml +850 ml	25	6	Hóa chất để thực hiện phân tích năm thành phần bạch cầu trong một mẫu máu, sử dụng công nghệ VCSn. Thành phần gồm hai loại hóa chất: - Hóa chất Erythrolyse gồm: yếu tố làm ấm 0.3-1.5g/L, Formic Acid 1.2 mL/L - Hóa chất StaliLyse gồm: Sodium Carbonate 6.0 g/L, Sodium Chloride 14.5 g/L, Sodium Sulfate 31.3 g/L	≥ 8 tháng
261	Dung dịch rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học DxH600	Hộp	10 L	35	6	Hóa chất để sử dụng như một chất làm sạch cho các bộ phận của máy phân tích tế bào tự động khi tiếp xúc với máu. - Thành phần: Dung dịch chứa enzym phân giải protein	≥ 1 năm
262	Chất kiểm chuẩn huyết học dùng cho máy xét nghiệm huyết học DxH600	Bộ	1 x 3.5ml Level 1 1 x 3.5ml Level 2 1 x 3.5ml Level 3	25	1	Hóa chất kiểm chuẩn huyết học được sử dụng để theo dõi sự hoạt động của máy huyết học . - Thành phần: gồm hồng cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương, thành phần giống tiểu cầu và hồng cầu cố định mô phỏng bạch cầu và hồng cầu có nhân.	≥ 2 tháng

263	Chất kiểm chuẩn máy dùng hiệu chỉnh thông số VCS cho máy xét nghiệm huyết học DxH600	Hộp	8 x 4ml	6	1	Hóa chất được chỉ định sử dụng trên hệ thống phân tích tế bào tự động kết hợp các hóa chất phân tích để theo dõi giá trị phép đo các thông số về thể tích, độ dẫn, tán xạ. - Thành phần: một dung dịch chứa các hạt nhựa polystyrene trong dung dịch đệm chứa hoạt tính bề mặt.	≥ 10 tháng
264	Chất chuẩn máy dùng để chỉnh hệ số trên hệ thống phân tích tế bào tự động dùng cho máy xét nghiệm huyết học DxH600	Hộp	1 x 3.3ml	2	1	Chất chuẩn dùng để chỉnh hệ số trên hệ thống phân tích tế bào tự động được liệt kê trong bảng trong tờ insert, kết hợp với thuốc thử cụ thể. - Thành phần: gồm hồng cầu, thành phần có kích thước tiểu cầu được ổn định trong môi trường đẳng trương và thêm vào hồng cầu được cố định để mô phỏng bạch cầu.	≥ 1 tháng
265	Thẻ định danh cho nhóm vi khuẩn Gram âm (GN)	Hộp	Hộp/20 thẻ	20	3	Thẻ định danh Vitek 2 Gram âm tự động định danh hầu hết các trực khuẩn Gram âm lên men và không lên men Thẻ gồm 47 thử nghiệm sinh hóa Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 3 tháng
266	Thẻ định danh cho nhóm vi khuẩn Gram dương (GP)	Hộp	Hộp/20 thẻ	32	3	Thẻ định danh VITEK 2 Gram dương tự động định danh các vi sinh vật Gram dương. Thẻ gồm 43 xét nghiệm sinh hóa Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 6 tháng
267	Thẻ định danh cho nấm (YST)	Hộp	Hộp/20 thẻ	5	3	Thẻ định danh VITEK 2 nấm men tự động định danh hầu hết các loại nấm men và vi sinh vật tương tự nấm men. Thẻ gồm 46 thử nghiệm sinh hóa Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 6 tháng
268	Thẻ định danh cho nhóm Neisseria/ Haemophilus (NH)	Hộp	Hộp/20 thẻ	6	3	Thẻ định danh để tự động định danh hầu hết các vi sinh vật khó mọc. Thẻ gồm 30 thử nghiệm sinh hóa Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 6 tháng
269	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram âm (AST-N)	Hộp	Hộp/20 thẻ	20	3	Thẻ kháng sinh đồ Gram âm xác định độ nhạy cảm của các trực khuẩn Gram âm hiếu khí. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 6 tháng
270	Thẻ kháng sinh đồ vi khuẩn Gram dương (AST-GP)	Hộp	Hộp/20 thẻ	30	3	Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 6 tháng
271	Thẻ kháng sinh đồ phế cầu (AST-P)	Hộp	Hộp/20 thẻ	15	3	Thẻ kháng sinh đồ Gram dương để xác định độ nhạy cảm của S. pneumoniae với các kháng sinh. Mỗi thẻ chứa các kháng sinh chọn lọc ở các nồng độ khác nhau, được sấy khô với môi trường nuôi cấy vi sinh Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 6 tháng
272	Thẻ kháng sinh đồ liên cầu (AST-ST)	Hộp	Hộp/20 thẻ	20	3	Thẻ kháng sinh đồ Gram dương VITEK 2 được sử dụng với hệ thống VITEK 2 để xác định độ nhạy cảm của S. pneumoniae, beta-hemolytic Streptococcus, và Viridans Streptococcus với các kháng sinh. Đạt tiêu chuẩn ISO	≥ 6 tháng
273	Bộ chuẩn máy đo độ đục (Hóa chất căn chuẩn dùng cho máy đo độ đục)	Hộp	Hộp/ 4 ống	2	3	DensiCHEK Plus Standards Kit được sử dụng để kiểm chứng hiệu suất của phương pháp DensiCHEK™ Plus. Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 5 tháng
274	Ống tube pha huyền dịch vi khuẩn	Hộp	Hộp/ 2000 ống (12x 75mm)	2	3	Ống nghiệm bằng nhựa trong (polystyrene) 12 mm x 75 mm dùng một lần. Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 2 năm
275	Nước muối pha huyền dịch vi khuẩn	Chai	Chai/ 1000 ml	10	3	Nước muối sinh lý 0.45%, pH từ 4,5 đến 7,0. Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 2 tháng

276	Đầu cân 1000 µl dùng cho vi khuẩn Gram dương Pipet tips 100 - 1000 µl	Hộp	Hộp/96 cái	6	3	- Finntip 1000 - Thể tích từ 100µl-1000µl; - Chiều dài: 7,1 cm - Màu xanh Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 2 năm
277	Đầu cân 250 µl dùng cho vi khuẩn Gram âm Pipet tips 0,5 - 250 µl	Hộp	Hộp/96 cái	5	3	Finntip 250, đóng gói 96 cái/hộp - Thể tích từ 0,5 - 250 µl; - Chiều dài: 5,2 cm - Màu vàng Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 2 năm
278	Hóa chất Snap Pak dùng cho máy điện giải	Hộp	620ml/ hộp	48	3	Dùng riêng cho máy phân tích điện giải, phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 1 năm
279	Điện cực Canxi Ca ⁺⁺	Cái	1 cái/ hộp	5	3	Điện cực Canxi. Dùng cho máy phân tích điện giải, phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 1 năm
280	Điện cực Natri Na ⁺	Cái	1 cái/ hộp	6	3	Điện cực Natri. Dùng cho máy phân tích điện giải, phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 1 năm
281	Điện cực Kali K ⁺	Cái	1 cái/ hộp	6	3	Điện cực Kali. Dùng cho máy phân tích điện giải, phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 1 năm
282	Điện cực Cl	Cái	1 cái/ hộp	5	3	Điện cực Clo. Dùng cho máy phân tích điện giải, phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 1 năm
283	Điện cực quy chiếu	Cái	1 cái/ hộp	5	3	Điện cực quy chiếu. Dùng cho máy phân tích điện giải, phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 1 năm
284	Vỏ điện cực quy chiếu	Cái	1 cái/ hộp	5	3	Vỏ điện cực quy chiếu. Dùng cho máy phân tích điện giải, phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 1 năm
285	Giấy in dùng cho máy điện giải	Hộp	5 cuộn/ hộp	8	Không phân nhóm	Kích thước chuẩn, phù hợp với máy hiện có của Bệnh viện đang sử dụng. Bản in đẹp, rõ ràng.	≥ 1 năm
286	Dây bơm nhu động, sử dụng cho máy phân tích 9180	Hộp	1 cái/ hộp	6	Không phân nhóm	Dây bơm nhu động, sử dụng cho máy phân tích điện giải phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 1 năm
287	Dung dịch chứng điện giải, để kiểm tra phương pháp đo trên máy 9180 Electrolyte	Hộp	30 ống/ hộp	3	3	Dung dịch chứng điện giải, để kiểm tra phương pháp đo trên máy 9180 Electrolyte	≥ 1 năm
288	Dung dịch rửa máy Cleaning Solution	Hộp	1 cái/ hộp	2	3	Dung dịch rửa máy, sử dụng cho máy phân tích điện giải phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện.	≥ 1 năm
289	Dung dịch bảo dưỡng điện cực Na ⁺	Hộp	1 cái/ hộp	2	3	Dung dịch bảo dưỡng điện cực Na ⁺ sử dụng cho máy phân tích điện giải phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 1 năm
290	Dung dịch pha loãng nước tiểu	Hộp	1 cái/ hộp	2	3	Dung dịch pha loãng nước tiểu sử dụng cho máy phân tích điện giải phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 1 năm
291	Dung dịch khử Protein	Hộp	1 cái/ hộp	2	1	Dung dịch khử Protein sử dụng cho máy phân tích điện giải phù hợp kỹ thuật với máy hiện có tại Bệnh viện	≥ 1 năm
292	Tube chống đông EDTA	Tube	100 tube/ hộp	35000	5	Đảm bảo vô khuẩn, trong suốt, đủ tiêu chuẩn kỹ thuật.	≥ 2 năm
293	Tube chống đông Heparin Lithium	Tube	100 tube/ hộp	35000	5	Đảm bảo vô khuẩn, trong suốt, đủ tiêu chuẩn kỹ thuật.	≥ 2 năm
294	Tube chống đông citrate	Tube	100 tube/ hộp	35000	5	Đảm bảo vô khuẩn, trong suốt, đủ tiêu chuẩn kỹ thuật.	≥ 2 năm
295	Tube không chống đông nút đỏ	Tube	100 tube/ hộp	35000	5	Đảm bảo vô khuẩn, trong suốt, đủ tiêu chuẩn kỹ thuật.	≥ 2 năm
296	Tube nhựa lấy nước tiểu	Tube	250 tube/ túi	35000	5	Dùng để lấy mẫu nước tiểu, đủ tiêu chuẩn kỹ thuật	≥ 2 năm
297	Ống nghiệm BD Vacutainer EDTA 2ml	Tube	100 ống/ hộp	40000	3	- Ống nhựa chân không Vacutainer - Nắp cao su Hemogard - Thành phần: chứa chất chống đông K2EDTA 3.6 mg được phun khô trên thành ống - Thể tích mẫu: 2 ml	≥ 2 năm
298	Ống nghiệm BD Vacutainer Heparin 4ml	Tube	100 ống/ hộp	35000	3	- Ống nhựa chân không Vacutainer - Nắp cao su Hemogard - Thành phần: chứa chất chống đông Lithium Heparin được phun khô trên thành ống - Thể tích mẫu: 4 ml	≥ 2 năm

299	Ống nghiệm BD Vacutainer Citrate 1,8 ml	Tube	100 ống/hộp	35000	3	- Ống nhựa chân không Vacutainer - Nắp cao su Hemogard - Ống thiết kế hai nồng - Có vạch thể hiện thể tích mẫu tối thiểu - Thành phần: chứa chất chống đông Natri citrate 0.109M, 3.2% - Thể tích mẫu: 1.8 ml	≥ 2 năm
300	Ống nghiệm BD Vacutainer Serum 4 ml	Tube	100 ống/hộp	35000	3	- Ống nhựa chân không Vacutainer - Nắp cao su Hemogard - Kích thước: 13x75mm - Ống chân không, nắp đỏ, có vạch lấy máu 4ml - Thành phần chứa clot activator phun khô và silicone Coated - Quy cách: 100 cái/hộp, 1000 cái/thùng	≥ 2 năm
301	Cuvette cho dòng máu đông máu tự động	Hộp	Hộp 20 thanh, 29 rack x 4 cuvette	50	3	Cồng đo mẫu Bảo quản nhiệt độ thường 1 hộp 20 thanh, 1 thanh 29 racks, 1 racks 4 cuvet làm được 4 xét nghiệm khác nhau	≥ 2 năm
302	Gelcard định nhóm máu bằng hai phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu	Card	(Hộp/24 card)	10000	6	Định nhóm máu bằng hai phương pháp huyết thanh mẫu và hồng cầu mẫu Phù hợp kỹ thuật với máy hiện có của Bệnh viện.	≥ 2 năm
303	Dung dịch pha loãng hồng cầu lực ion yếu	Chai	Chai/500ml	22	6	Dung dịch đệm lực ion thấp, với nồng độ Natri clorid thích hợp, hữu ích trong các xét nghiệm huyết thanh học, phù hợp kỹ thuật với máy hiện có của Bệnh viện.	≥ 2 năm
304	Gelcard Coombs trực tiếp, thực hiện phản ứng hòa hợp nhóm máu ở 37 độ C	Hộp	2x 25 cards	5	1	.Gel card ≥ 8 giếng, dùng cho test Coombs trực tiếp và gián tiếp, sàng lọc và định danh kháng thể bất thường, định nhóm chéo môi trường Coombs 37oC, autocontrol. Môi trường AHG: coombs, LISS với kháng thể kháng globulin người. Hỗn hợp giữa kháng thể đa dòng kháng IgG từ thỏ và kháng thể đơn dòng kháng C3d (kháng thể IgM có nguồn gốc từ chuột, dòng 12011 D10)	≥11 tháng
305	Gelcard định nhóm máu bằng phương pháp hồng cầu mẫu, thực hiện phản ứng hòa hợp nhóm máu ở 22 độ C	Hộp	2x25 cards	130	1	Gel card ≥ 8 giếng, môi trường nước muối và enzyme, dùng cho định nhóm chéo, autocontrol, định nhóm ABO bằng phương pháp hồng cầu mẫu	≥11 tháng
306	Gelcard định nhóm máu ABO/Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu	Hộp	2x25 cards	250	1	"Gel card ≥ 8 giếng, ≥ 2test/card, định nhóm máu ABO và Rh bằng phương pháp huyết thanh mẫu. 4 giếng đầu có thành phần như sau: Giếng 1: Anti-A (kháng thể IgM có nguồn gốc từ chuột, dòng Birma-1) Giếng 2: Anti-B (kháng thể IgM có nguồn gốc từ chuột, dòng LB-2) Giếng 3: Anti-DVI- (kháng thể IgM có nguồn gốc từ người, dòng MS-201). Giếng 4: control "	≥11 tháng
307	Dịch pha loãng hồng cầu bệnh nhân cho máy định nhóm máu tự động	Bình	2x100 ml	90	1	Dung dịch đệm có độ mạnh ion thấp, thành phần chính là Glycine 1,37% và glucose 0,85%, dùng để pha loãng hồng cầu	≥16 tháng
308	Dịch rửa kim cho máy định nhóm máu tự động	Bình	12x125 ml	22	1	Dung dịch được sử dụng để rửa hệ thống dịch trong các máy phân tích nhóm máu. Dung dịch phải được pha loãng trước khi sử dụng. Dung dịch muối đậm đặc và chất màu. Chất bảo quản: natri azide 0,1% được thêm vào ở công đoạn hòa tan cuối cùng.	≥23 tháng
309	Dịch rửa kim cho máy định nhóm máu tự động	Hộp	12x125 ml	11	1	Dung dịch được sử dụng để rửa hệ thống dịch trong các máy phân tích nhóm máu. Dung dịch phải được pha loãng trước khi sử dụng. Dung dịch muối đậm đặc và chất màu. Chất bảo quản: natri azide 0,1% được thêm vào ở công đoạn hòa tan cuối cùng.	≥22 tháng
310	Bình tia nhựa 500 ml	Cái	1 cái/túi	10	6	Bình bóp cồn nhựa	≥ 2 năm
311	Bình dẫn lưu vết thương 400 ml	Cái	1 cái/túi	220	6	Bình dẫn lưu vết thương cỡ bình 400ml	≥ 2 năm
312	Bình dẫn lưu vết thương 200 ml	Cái	1 cái/túi	400	6	Bình dẫn lưu vết thương cỡ bình 200ml	≥ 2 năm
313	Dây garo dính	Cái	10 cái/túi	200	5	Chất liệu: cao su, đàn hồi tốt	≥ 2 năm
314	Găng tay khám cỡ XS, S, M, L, XL	Đôi	50 đôi/hộp	260,000	6	Nguyên liệu bằng cao su tự nhiên	≥ 2 năm
315	Găng tay phẫu thuật vô trùng số 6.5 - 7.0 - 7.5	Đôi	1 đôi/túi	60,000	5	Găng tay dùng để phẫu thuật đã tiệt trùng	≥ 2 năm
316	Giấy thông dụng 40gr/m2 (Giấy phẫu thuật viên)	Đôi	1 đôi/túi	70	5	Giấy cho phẫu thuật viên 40gr/m2	≥ 2 năm

317	Hộp petri hộp lồng, nhựa trắng F90	Cái	10 cái/túi	6,000	5	Hộp lấy mẫu bệnh phẩm, bằng nhựa trắng, đường kính 90mm	≥ 2 năm
318	Khâu trang (khâu trang phẫu thuật viên buộc dây), có 3 lớp, đã tiệt trùng	Cái	1 cái/gói	2,500	5	Khâu trang phẫu thuật viên buộc dây, có 3 lớp, đã tiệt trùng	≥ 2 năm
319	Khâu trang (khâu trang phẫu thuật viên đeo tai) 3 lớp đã tiệt trùng	Cái	1 cái/gói	140,000	5	Khâu trang phẫu thuật viên đeo tai, có 3 lớp, đã tiệt trùng	≥ 2 năm
320	Lọ đựng bệnh phẩm có nhân (vô trùng)	Cái	50 cái/túi	17,500	6	Lọ đựng bệnh phẩm để sinh thiết, bằng nhựa, đã tiệt trùng	≥ 2 năm
321	Lưỡi dao mổ số 10,11,12,15,20	Cái	100 cái/hộp	13,500	6	Bảng thép không gỉ Số 10,11,12,15, 20, đã tiệt trùng.	≥ 2 năm
322	Mũ phẫu thuật y tá (tiệt trùng)	Cái	100 cái/gói	35,000	5	Bảng giấy, đã tiệt trùng, dùng để trùm tóc trước khi phẫu thuật.	≥ 2 năm
323	Que gòn (tăm bông vô trùng)	Cái	100 cái/hộp	4,000	6	Dùng để lấy mẫu bệnh phẩm, đã tiệt trùng.	≥ 2 năm
324	Tấm trải nilon 100 x 130cm VT	Cái	1 cái/gói	5,000	5	Nylon PE màu xanh kích thước 100cm x 130cm. Đã tiệt trùng	≥ 2 năm
325	Túi bọc camera phẫu thuật (vô trùng)	Cái	1 cái/gói	500	5	Từ nylon PE màu trắng - Túi lớn: dài 230 cm; rộng 18cm - Túi nhỏ: dài 14cm; rộng 9cm Đã tiệt trùng	≥ 2 năm
326	Băng cuộn 5 m x 10 cm	Cuộn	10 cuộn/gói	12,500	5	100% bông xơ tự nhiên, không lẫn tạp chất và không pha poly.	≥ 2 năm
327	Băng dính 5 cm x 9,1m	Cuộn	6 cuộn/ hộp	1,900	5	Dùng để cố định băng gạc, các thiết bị y tế, độ dính cao, ít gây dị ứng.	≥ 2 năm
328	Bông gạc đắp vết thương 10 x 10 x 1cm	Miếng	1 miếng/gói	48,000	5	Kích thước 10 x 10 x 1cm, nguyên liệu 100% cotton, không có hóa chất tẩy trắng, độ ẩm không quá 8%, độ axit và độ kiềm đạt trung tính, đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas	≥ 2 năm
329	Bông hút nước y tế KVT	Kg	1 kg/cuộn	150	5	Lớp bông màu trắng hoặc vàng, đồng nhất, không mùi, không hút nước.	≥ 2 năm
330	Gạc cầm máu nha khoa (10 cái/ gói)	Cái	10 cái/gói	160,000	5	Gạc dệt hút nước (100% cotton) màu trắng - Tốc độ hút nước: ≤ 10s - Chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Giới hạn Acid bazo: trung tính - Độ ẩm: ≤ 8% Kích thước: 10mm.	≥ 2 năm
331	Bông ép sọ não 4.0 x 5cm	Cái	10 cái/gói	260	5	Bông hút nước (100% cotton) màu trắng - Tốc độ hút nước: ≤ 10s - Chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Giới hạn Acid bazo: trung tính - Độ ẩm: ≤ 8% Kích thước 4cm x 5cm	≥ 2 năm
332	Gạc dẫn lưu 1,5 x 100cm x 4 lớp VT	Cái	1 cái/gói	9,800	5	Gạc không dệt hút nước (100% cotton) màu trắng - Tốc độ hút nước: ≤ 10s - Chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Giới hạn Acid bazo: trung tính - Độ ẩm: ≤ 8% Kích thước 1.5cm x 100cm x 4 lớp Đã tiệt trùng.	≥ 2 năm
333	Gạc dẫn lưu 0,75 x 100cm x 4 lớp VT	Cái	1 cái/gói	9,500	5	Gạc không dệt hút nước (100% cotton) màu trắng - Tốc độ hút nước: ≤ 10s - Chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Giới hạn Acid bazo: trung tính - Độ ẩm: ≤ 8% Kích thước 0.75cm x 100cm x 4 lớp Đã tiệt trùng.	≥ 2 năm
334	Túi bọc máy phòng mổ vô trùng. KT: 110 cm x 160 cm	Cái	1 cái/gói	5,000	5	bằng nilon, đã tiệt trùng	≥ 2 năm
335	Gạc y tế khô 80 cm	Mét	100 m/kiện	27,000	6	Không có hóa chất tẩy trắng, tốc độ hút nước nhanh, độ axit và độ kiềm: đạt trung tính	≥ 2 năm
336	Gạc phẫu thuật tiệt trùng 5 x 7cm x 12 lớp	Cái	10 cái/gói	870,000	5	Gạc dệt hút nước (100% cotton) màu trắng - Tốc độ hút nước: ≤ 10s - Chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Giới hạn Acid bazo: trung tính - Độ ẩm: ≤ 8% Kích thước 5cm x 7cm x 12 lớp	≥ 2 năm

337	Chi đơn sợi tổng hợp không tan Prolene kim tròn số 5-0	Sợi	12 sợi/hộp	1,080	3	Chi không tiêu tổng hợp đơn sợi polypropylene số 5/0 dài 75cm, 2 kim bằng hợp kim ETHALLOY thân tròn đầu tròn RB-2 dài 13mm 1/2 vòng tròn.	≥ 2 năm
338	Chi đơn sợi tổng hợp không tan Prolene kim tròn số 3-0	Sợi	12 sợi/hộp	48	3	Chi không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 3/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu tròn SH dài 26mm 1/2 vòng tròn.	≥ 2 năm
339	Chi đơn sợi tổng hợp không tan Prolene kim tròn số 2-0	Sợi	12 sợi/hộp	12	3	Chi không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 2/0 dài 90cm, 2 kim tròn đầu cắt V-7 dài 26mm 1/2 vòng tròn	≥ 2 năm
340	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6&66 số 5/0 kim tam giác.	Sợi	24 sợi/hộp	24	3	Chi không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6&66 số 5/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược p-1 dài 11mm 3/8 đường tròn.	≥ 2 năm
341	Chi không tiêu 2/0, kim tam giác, sợi chỉ phủ sáp silicone. Kim thép không rỉ 300. Bề mặt kim phủ Silicon	Sợi	12 sợi/hộp	960	3	Chi không tiêu 2/0, kim tam giác, sợi chỉ phủ sáp silicone. Kim thép không rỉ 300. Bề mặt kim phủ Silicon	≥ 2 năm
342	Chi không tiêu 3/0, kim tam giác, sợi chỉ phủ sáp silicone. Kim thép không rỉ 300. Bề mặt kim phủ Silicon	Sợi	12 sợi/hộp	360	3	Chi không tiêu 3/0, kim tam giác, sợi chỉ phủ sáp silicone. Kim thép không rỉ 300. Bề mặt kim phủ Silicon	≥ 2 năm
343	Chi không tiêu 4/0, kim tam giác, sợi chỉ phủ sáp silicone. Kim thép không rỉ 300. Bề mặt kim phủ Silicon	Sợi	12 sợi/hộp	720	3	Chi không tiêu 4/0, kim tam giác, sợi chỉ phủ sáp silicone. Kim thép không rỉ 300. Bề mặt kim phủ Silicon	≥ 2 năm
344	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 kim tam giác	Sợi	24 sợi/hộp	360	4	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, 1 kim tam giác PC-5 PRIME dài 19 mm 3/8 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	≥ 2 năm
345	Chi tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide số 3/0 kim tam giác	Sợi	12 sợi/hộp	2,940	3	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin kim tam giác số 3/0	≥ 2 năm
346	Chi tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide số 4/0 kim tam giác	Sợi	12 sợi/hộp	360	3	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin kim tam giác số 4/0	≥ 2 năm
347	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 2/0 kim tròn	Sợi	12 sợi/hộp	1,140	3	Chi tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin số 2/0 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate dài 75cm. Kim tròn đầu tròn SH Plus dài 26 mm 1/2 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	≥ 2 năm
348	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 kim tròn	Sợi	12 sợi/hộp	1,860	3	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 3/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu tròn SH-2 Plus dài 20 mm 1/2 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	≥ 2 năm
349	Chi tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide số 3/0 kim tròn	Sợi	12 sợi/hộp	720	3	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin kim tròn số 3/0	≥ 2 năm
350	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 4/0 kim tròn	Sợi	12 sợi/hộp	240	3	Chi tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin số 4/0 được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate dài 75cm. Kim tròn đầu tròn SH-2 Plus dài 20 mm 1/2 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	≥ 2 năm
351	Chi tan tổng hợp đa sợi polyglactin 910 thành phần gồm 90% glycolide và 10% L-lactide số 4/0 kim tròn	Sợi	12 sợi/hộp	540	3	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin kim tròn số 4/0	≥ 2 năm
352	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 5/0 kim tròn	Sợi	12 sợi/hộp	12	4	Chi tan tổng hợp đa sợi Polyglactin được bọc bởi 50% là Polyglactin 370 và 50% là Calcium Stearate số 5/0 dài 75cm, 1 kim tròn đầu cắt V-4 dài 17mm 3/8 vòng tròn. Thời gian giữ vết khâu: 28 - 35 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 56 - 70 ngày.	≥ 2 năm
353	Chi tan tổng hợp đơn sợi Polyglecaprone 25 số 4/0 kim tam giác	Sợi	12 sợi/hộp	36	4	Chi tan tổng hợp đơn sợi Polyglecaprone 25 số 4/0, dài 45 cm, kim tam giác PS-2 dài 19mm, 3/8 đường tròn. Thời gian giữ vết thương: 7- 14 ngày	≥ 2 năm

354	Chi tan tổng hợp đơn sợi Polyglecaprone 25 số 4/0 kim tròn	Sợi	12 sợi/hộp	36	4	Chi tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 4/0 dài 70cm, 1 kim tròn đầu tròn Taperpoint Plus RB-1 dài 17mm 1/2 vòng tròn, thời gian giữ vết thương 21-28 ngày.	≥ 2 năm
355	Chi tan tổng hợp đơn sợi Polyglecaprone 25 số 5/0 kim tam giác	Sợi	12 sợi/hộp	36	4	Chi tiêu tổng hợp đơn sợi polyglecaprone 25 số 5/0 dài 45cm, 1 kim tam giác ngược PS-3 Prime dài 16mm 3/8 vòng tròn, thời gian giữ vết thương 21-28 ngày.	≥ 2 năm
356	Lamen 22 x 22	Hộp	100 cái/hộp	60	3	Kích cỡ 22 x 22	≥ 2 năm
357	Lam kính	Hộp	50 cái/hộp	160	3	Bảng thủy tinh trơn	≥ 2 năm
358	Lam kính mài	Hộp	50 cái/hộp	290	3	Bảng thủy tinh nhám	≥ 2 năm
359	Nhiệt kế bệnh nhân (thuỷ tinh)	Cái	12 cái/hộp	7,500	6	Bảng thủy tinh	≥ 2 năm
360	Tube thủy tinh to đường kính 15-17mm, dài 12-13cm	Cái	1000 cái/hộp	1,440	6	Bảng thủy tinh đường kính 15 - 17mm	≥ 2 năm
361	Ống đặt nội khí quản có mắt, đầu cong, các cỡ (số 3.0 - 3.5 - 4.0 - 4.5 - 5.0 - 5.5)	Cái	10 cái/hộp	2,100	2	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn FDA, CE. Chất liệu Ống PVC Mallinckrodt mềm dẻo giảm tổn thương niêm mạc. Bóng (Hi - Lo)có thể tích lớn, áp lực nhỏ, Độ dày bóng 0.051mm vừa khít bề mặt khí quản.	≥ 2 năm
362	Ống đặt nội khí quản có mắt, đầu cong, các cỡ 6.0 - 6.5 - 7.0 - 7.5)	Cái	10 cái/hộp	1,800	2	Sản phẩm đạt tiêu chuẩn FDA, CE. Chất liệu Ống PVC Mallinckrodt mềm dẻo giảm tổn thương niêm mạc. Bóng (Hi - Lo)có thể tích lớn, áp lực nhỏ, Độ dày bóng 0.051mm vừa khít bề mặt khí quản.	≥ 2 năm
363	Ống đặt nội khí quản bóng chèn nhỏ hình oval (low profile) số 3.5	Cái	10 cái/hộp	200	4	Ống nội khí quản đầu tip quặp (flex tip): thiết kế tránh va chạm với đường thở, giúp quá trình đặt nội khí quản trơn tru và dễ dàng. Bóng hình oval (low profile) với van một chiều. Có 2 mắt murphy, có đường cân quang chạy dọc thân ống, có vạch chia độ dài, có vạch xác định vị trí ống, cỡ 3.5. Ống đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA	≥ 2 năm
364	Ống đặt nội khí quản bóng chèn nhỏ hình oval (low profile) số 4.5	Cái	10 cái/hộp	200	4	Ống nội khí quản đầu tip quặp (flex tip): thiết kế tránh va chạm với đường thở, giúp quá trình đặt nội khí quản trơn tru và dễ dàng. Bóng hình oval (low profile) với van một chiều. Có 2 mắt murphy, có đường cân quang chạy dọc thân ống, có vạch chia độ dài, có vạch xác định vị trí ống, cỡ 4.5. Ống đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA	≥ 2 năm
365	Ống nội khí quản nòng thép lò xo các cỡ (3- 3.5-4- 4.5)	Cái	10 cái/hộp	20	2	Có vòng xoắn kim loại chạy dọc thân ống, thành ống trơn nhẵn, độ cong thích hợp, có hai vạch đánh dấu trên bóng. Bóng thể tích lớn, áp lực nhỏ.	≥ 2 năm
366	Ống nội khí quản nòng thép lò xo các cỡ (5- 5.5-6- 6.5- 7- 7.5-8.0 - 8.5)	Cái	10 cái/hộp	30	2	Có vòng xoắn kim loại chạy dọc thân ống, thành ống trơn nhẵn, độ cong thích hợp, có hai vạch đánh dấu trên bóng. Bóng thể tích lớn, áp lực nhỏ.	≥ 2 năm
367	Ống nội khí quản dùng cho phẫu thuật laser các cỡ (cỡ 4.5 - 5.0- 5.5 6.0)	Cái	10 cái/hộp	20	2	Thân ống làm bằng thép không rỉ, dễ uốn, chống cháy và kháng tia laser. Bóng đôi, đường kính lớn, dây bơm bóng riêng rẽ làm tăng khả độ an toàn cho bóng. Bóng có van khóa riêng biệt đánh dấu rõ ràng "bóng gần" hay "bóng xa". Đầu ống mềm mại với mắt Murphy. Ống 4.5 (đường kính ngoài 7.0 mm, dài 349mm); ống 5.0 (đường kính ngoài 7.5 mm, dài 349mm); ống 5.5 (đường kính ngoài 7.9mm, chiều dài 349mm); ống 6.0 (đường kính ngoài 8.5mm, chiều dài 349mm)	≥ 2 năm
368	Ống đặt nội khí quản có bóng các cỡ (số 4.0 - 4.5 - 5.0 - 5.5 - 6.0, 6.5 - 7.0 - 7.5 - 8.0)	Cái	10 cái/hộp	5,200	3	Bóng dài, hoạt động dựa trên thể tích cao và áp suất thấp ở đầu xa của ống. Thích hợp đặt đường ống mũi, miệng, được làm từ chất liệu đặc biệt độ nhạy cảm nhiệt cao phù hợp với đường cong phế quản. Đường bức xạ X-quang trên ống giúp định vị dễ dàng. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn FDA, CE	≥ 2 năm
369	Canuyn Mayo (từ số 2 đến số 8)	Cái	1 cái/túi	200	6	Chống cắn, chống làm bẹp ống nội khí quản	≥ 2 năm
370	Canuyn mở khí quản 1 nòng có bóng (số 6.0 - 6.5-7.0)	Cái	10 cái/hộp	200	6	Dùng mở khí quản, 1 nòng, có bóng	≥ 2 năm
371	Canuyn mở khí quản 1 nòng có bóng số 7.5 - 8.0- 9.0)	Cái	10 cái/hộp	100	6	Dùng mở khí quản, 1 nòng, có bóng	≥ 2 năm
372	Khoá 3 ngã có dây nối 25cm	Cái	1 cái/bao	200	6	cho áp suất lên tới 4,5 bar, xoay 360 độ, một khớp quay ren ngoài và một khớp quay ren trong, mũi tên tay cầm chỉ hướng dòng chảy.	≥ 2 năm

373	Bơm tiêm 50 ml dùng cho máy bơm tiêm điện	Cái	240 cái/thùng	2,780	5	Bơm tiêm sử dụng một lần (50cc), đã tiệt trùng	≥ 2 năm
374	Bơm tiêm nhựa vô trùng 1 ml	Cái	100 cái/hộp	9,000	5	Bơm tiêm sử dụng một lần (1cc), đã tiệt trùng	≥ 2 năm
375	Bơm tiêm nhựa vô trùng 20 ml	Cái	50 cái/hộp	25,000	5	Bơm tiêm sử dụng một lần (20cc), đã tiệt trùng	≥ 2 năm
376	Bơm tiêm nhựa vô trùng 10 ml	Cái	100 cái/hộp	220,000	5	Bơm tiêm sử dụng một lần (10cc), đã tiệt trùng	≥ 2 năm
377	Bơm tiêm nhựa vô trùng 5 ml	Cái	100 cái/hộp	115,000	5	Bơm tiêm sử dụng một lần (5cc), đã tiệt trùng	≥ 2 năm
378	Dây dẫn bơm điện vô trùng	Cái	1 cái/gói	300	6	Đã được tiệt trùng bằng khí EO-Gas	≥ 2 năm
379	Dây truyền dịch. Cỡ kim: 21G. Cỡ dây: 1 1/2	Cái	500 cái/thùng	50,000	6	Sử dụng kim chất lượng cao và nguyên liệu PVC y tế cao cấp từ Nhật Bản, cốc mềm và trong suốt, dễ bấm, dễ điều chỉnh chiều cao dịch truyền, có kết nối cao su để tiêm khi cần thiết, khử trùng bằng khí E.O.	≥ 2 năm
380	Dây truyền máu. Cỡ kim : 18G Cỡ dây: 1 1/2, 20 giọt/ 1ml	Cái	1 cái/gói	100	6	Sử dụng cho truyền máu hoặc thành phần máu, có kim 18G x 1 1/2, 20 giọt/1ml. Bộ phận lọc máu 20 micron	≥ 2 năm
381	Kim bướm G25	Cái	50 cái/hộp	6,000	6	Sử dụng kim chất lượng cao, cỡ kim G25	≥ 2 năm
382	Kim bướm G23	Cái	50 cái/hộp	19,000	6	Sử dụng kim chất lượng cao, cỡ kim G23	≥ 2 năm
383	Kim bướm an toàn số 23	Cái	50 cái/hộp	16,000	4	Kim tráng hợp kim Crom-Nikel, có nút kích hoạt chủ động giấu đầu nhọn của kim, cỡ kim G23	≥ 2 năm
384	Kim bướm an toàn số 25	Cái	50 cái/hộp	6,800	4	Kim tráng hợp kim Crom-Nikel, có nút kích hoạt chủ động giấu đầu nhọn của kim, cỡ kim G25	≥ 2 năm
385	Kim bướm sử dụng để lấy máu tĩnh mạch, cỡ kim 22G, 23G	Cái	1 cái/ gói	35000	6	- Kim bướm sử dụng để lấy máu tĩnh mạch - Được thiết kế đảm bảo an toàn, giúp giảm nguy cơ tổn thương do kim đâm phải - Cỡ kim: 22G, 23G - Chiều dài kim: 1 inch - Chiều dài dây: 20 cm	≥ 2 năm
386	Dụng cụ để kết nối kim lấy máu với ống nghiệm nhựa chân không	Cái	2 cái/ gói	500	6	Dụng cụ để kết nối kim lấy máu với ống nghiệm chân không. Chất liệu nhựa Có nút bấm để tự động loại bỏ kim	≥ 2 năm
387	Kim lấy máu độc đực BD Vacutainer PrecisionGlide Multiple sample Needle 22G, 21G	chiếc	100 chiếc/ hộp	20000	3	- Kim 2 đầu dùng để lấy máu chân không - Kim được thiết kế với góc vát thấp, được bao bọc bằng silicon, đảm bảo cho việc đâm kim dễ dàng - Cỡ kim: 22G - Chiều dài kim: 1.5 inch	≥ 2 năm
388	Kim lấy máu độc trong BD Vacutainer Flashback Needle 22G	chiếc	50 chiếc/ hộp	10000	4	- Kim 2 đầu dùng để lấy máu chân không - Kim vô khuẩn, sử dụng 1 lần - Có độc trong bao hiệu kim được đâm đúng tĩnh mạch - Cỡ kim: 22G - Chiều dài kim: 1 inch	≥ 2 năm
389	Holder kết nối BD Vacutainer Holder	chiếc	1000 chiếc/ thùng	1000	1	Dụng cụ để kết nối kim lấy máu với ống nghiệm chân không. Chất liệu nhựa Kết nối vận xoắn	≥ 2 năm
390	Holder kết nối BD Pronto Quick Release Holder	chiếc	100 chiếc/ thùng	500	3	Dụng cụ để kết nối kim lấy máu với ống nghiệm chân không. Chất liệu nhựa Có nút bấm để tự động loại bỏ kim	≥ 2 năm
391	Kim bướm BD Vacutainer Safety-Lok Blood collection Set 25G	chiếc	50 chiếc/ hộp	5000	3	- Kim bướm sử dụng để lấy máu tĩnh mạch - Được thiết kế đảm bảo an toàn, giúp giảm nguy cơ tổn thương do kim đâm phải - Cỡ kim: 25G - Chiều dài kim: 0.75 inch - Chiều dài dây: 12 inch	≥ 2 năm
392	Kim bướm BD Vacutainer Safety-Lok Blood collection Set 23G	chiếc	50 chiếc/ hộp	5000	3	- Kim bướm sử dụng để lấy máu tĩnh mạch - Được thiết kế đảm bảo an toàn, giúp giảm nguy cơ tổn thương do kim đâm phải - Cỡ kim: 23G - Chiều dài kim: 0.75 inch - Chiều dài dây: 12 inch	≥ 2 năm
393	Kim chích máu vô trùng	Cái	200 cái/hộp	3,800	6	Sử dụng kim chất lượng cao, đã tiệt trùng	≥ 2 năm
394	Kim chọc dò tủy sống G18, 20, 22, 24	Cái	25 cái/hộp	150	4	Sử dụng kim chất lượng cao, đã tiệt trùng	≥ 2 năm

395	Kim luồng số 20, 22, 24 có cánh	Cái	1000 cái/kiện	22,000	6	Có cánh, có cửa bơm thuốc	≥ 2 năm
396	Kim luồng tĩnh mạch các số 18, 24G không có cánh	Cái	50 cái/hộp	600	6	Không có cánh, có cửa bơm thuốc	≥ 2 năm
397	Kim luồng tĩnh mạch ngoại vi trẻ em và sơ sinh có đầu bảo vệ bằng thép	Cái	50 cái/hộp	1,900	2	Kim luồng có đầu bảo vệ bằng thép, có màng lọc thoát khí ở chuỗi kim.	≥ 2 năm
398	Kim tiêm nhựa lấy máu, lấy thuốc cỡ 18, 20, 22, 24	Cái	10.000 cái/kiện	90,000	6	Sử dụng kim chất lượng cao, cỡ kim 18, 20, 22, 24	≥ 2 năm
399	Dây thông tiểu 2 nhánh	Cái	10 cái/hộp	50	6	Chất liệu: nhựa Latex/ PVC, mềm mại, nhựa Latex chống đông và gây được phù silicon, không gây đau, tròn đều, đầu nhỏ với 2 lỗ thông bơm - hút dịch hiệu quả.	≥ 2 năm
400	Ống thông dạ dày trẻ em số 5, 10	Cái	25 cái/hộp	50	4	Thông dạ dày chất liệu mềm dẻo, dài 50cm, có vạch đánh dấu 20,30cm, có 2 mắt phụ, có đường cân quang chạy dọc thân ống. Chất liệu PVC, tiêu chuẩn FDA, CE.	≥ 2 năm
401	Ống thông dạ dày người lớn số 12, 14, 16, 18	Cái	25 cái/hộp	500	4	Dài 125cm, vạch đánh dấu tại 45,55,65,75cm, có 4 mắt phụ, có đường cân quang chạy dọc thân ống, chất liệu PVC mềm dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc, tiêu chuẩn FDA, CE.	≥ 2 năm
402	Sonde Nelaton vô trùng	Cái	1 cái/túi	50	6	Chất liệu: nhựa Latex/ PVC, mềm mại, nhựa Latex chống đông và gây được phù silicon, không gây đau, tròn đều, đầu nhỏ.	≥ 2 năm
403	Sonde tiểu vô trùng	Cái	20 cái/túi	50	6	Chất liệu: nhựa Latex/ PVC, mềm mại, nhựa Latex chống đông và gây được phù silicon, không gây đau, tròn đều, đầu nhỏ.	≥ 2 năm
404	Thông hút nhựa số 10	Cái	100 cái/hộp	6,000	6	Ống hút đờm có đầu nối chuẩn. Chất liệu PVC, không gây đau, mềm mại, tròn đều, đầu nhỏ với 2 mắt bên trên, đầu nối mã hóa màu để dễ nhận biết kích cỡ.	≥ 2 năm
405	Thông hút nhựa số 8	Cái	25 cái/hộp	2,700	6	Chất liệu nhựa y tế mềm dẻo tránh tổn thương niêm mạc và chịu được áp lực cao của máy hút, ống không bị hẹp. Bề mặt thiết kế đặc biệt để có trở lực thấp chống dính vào thành ống. Ống dài 50 cm. Có hai mắt phụ. Tiêu chuẩn FDA.	≥ 2 năm
406	Thông hút nhựa số 6	Cái	25 cái/hộp	800	4	Chất liệu nhựa y tế mềm dẻo tránh tổn thương niêm mạc và chịu được áp lực cao của máy hút, ống không bị hẹp. Bề mặt thiết kế đặc biệt để có trở lực thấp chống dính vào thành ống. Ống dài 50 cm. Có hai mắt phụ. Tiêu chuẩn FDA.	≥ 2 năm
407	Thông hút nhựa số 12	Cái	100 cái/hộp	7,300	6	Ống hút đờm có đầu nối chuẩn. Chất liệu PVC, không gây đau, mềm mại, tròn đều, đầu nhỏ với 2 mắt bên trên, đầu nối mã hóa màu để dễ nhận biết kích cỡ.	≥ 2 năm
408	Thông hút nhựa số 10 có kiểm soát	Cái	10 cái/túi	1,400	6	Ống hút đờm có đầu kiểm soát. Chất liệu PVC, không gây đau, mềm mại, tròn đều, đầu nhỏ với 2 mắt bên trên, đầu nối mã hóa màu để dễ nhận biết kích cỡ.	≥ 2 năm
409	Thông hút nhựa số 12 có kiểm soát	Cái	10 cái/túi	1,400	6	Ống hút đờm có đầu kiểm soát. Chất liệu PVC, không gây đau, mềm mại, tròn đều, đầu nhỏ với 2 mắt bên trên, đầu nối mã hóa màu để dễ nhận biết kích cỡ.	≥ 2 năm
410	Bông cầm máu được làm từ bột biển 70x50x10mm	Miếng	20 miếng/hộp	1,100	3	Miếng cầm máu bằng gelatin dạng bột xốp màu trắng tiết trùng, không tan 7x5x1cm, tăng thể tích khi sử dụng hộp 20 miếng	≥ 2 năm
411	Khuôn nhựa đúc bệnh phẩm	Cái	500 cái/hộp	17,500	6	Được làm bằng nhựa acetal polymer đủ độ cứng và chịu ăn mòn hóa chất xử lý mẫu. Có nắp kín, Mặt viết mã số nghiêng 45 độ. Trên sản phẩm có logo của nhà sản xuất in nổi phía sau mặt viết hoặc in mã số.	≥ 2 năm
412	Thẻ định danh bệnh nhân loại đeo tay dùng cho người lớn có băng tên, thông số, phân loại bệnh nhân (các màu: trắng, xanh, hồng, đỏ, vàng, cam)	Cái	100 cái/hộp	17,500	6	Chất liệu: nhựa dẻo 2 lớp. Các màu xanh, đỏ, vàng. Nội dung trên thẻ định danh: Họ tên.....NS..... Nam Nữ Mã BA....Khoa..... PT..... (Trên thẻ định danh có in logo bệnh viện)	≥ 2 năm

413	Thẻ định danh bệnh nhân loại đeo tay dùng cho trẻ em có băng tên, thông số, phân loại bệnh nhân (các màu: trắng, xanh, hồng, đỏ, vàng, cam)	Cái	100 cái/hộp	6,500	6	Chất liệu: nhựa dẻo 2 lớp. Các màu xanh, đỏ, vàng. Nội dung trên thẻ định danh: Họ tên.....NS..... Nam Nữ Mã BA....Khoa..... PT..... (Trên thẻ định danh có in logo bệnh viện)	≥ 2 năm
414	Ống mở khí quản chữ T (Cỡ 6, 7, 8, 9, 10,11,12, 13, 14, 15) bằng silicon mềm, bao gồm vòng giữ ống và nút ống dài 15mm.	Cái	1 cái/ hộp	5	3	Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 2 năm
415	Stent thanh quản (Cỡ số 10, 20, 25, 30) bằng silicon gồm 2 nút silicon giúp thanh quản không bị tuột khỏi vị trí đặt.	Cái	1 cái/ hộp	10	3	Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 2 năm
416	Dụng cụ điều chỉnh dây thanh (Cỡ 40, 50, 60) bằng silicon, chiều rộng cánh: 16mm, chiều dài cánh: 21mm	Cái	1 cái/ hộp	10	3	Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 2 năm
417	Stent khí quản bằng silicon (Cỡ số 9, 10,11,12, 13, 14, 15, 16) tương thích với hệ thống đặt ống nội soi cứng.	Cái	1 cái/ hộp	10	3	Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 2 năm
418	Miếng cầm máu phẫu thuật tai	Miếng	20 cái/hộp	1,500	3	Ống đặt nội khí quản kèm điện cực theo dõi dây thần kinh các cỡ (đường kính 5mm, 6mm, 7mm, 8mm) loại không chống gập ống. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 2 năm
419	Ống thông khí tai người lớn, đường kính 1,27mm	Cái	10 cái/hộp	40	3	Đường kính 1,27mm, được làm bằng chất liệu nhựa Fluoroplastic, màu xanh.Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 2 năm
420	Ống thông khí tai cho người lớn, đường kính 1,14 mm	Cái	5 cái/hộp	650	3	Chất liệu Silicone; Đường kính trong 1,14mm, có thể nén được giúp cho việc đặt ống được dễ dàng. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 2 năm
421	Ống thông khí dạng chữ T kích thước 1,14mm	Cái	10 cái/hộp	280	3	Chất liệu Silicone; dạng chữ T, kích thước 1,14mm. Đảm bảo kỹ thuật chuyên môn, đáp ứng được các yêu cầu của Bác sĩ.	≥ 2 năm
422	Dụng cụ thay thế tổng thể xương con, chất liệu titan, đầu tròn	Cái	1 cái/hộp	3	3	Đầu tròn, phần đầu và thân chất liệu Titan, phần đế chất liệu hydroxyl- apatite, đường kính phần đầu 2,5 mm, đường kính phần thân 0,25 mm, dài 10mm.	≥ 2 năm
423	Móc thay thế xương con, chất liệu thép không gỉ và nhựa flo, chiều dài 4mm, 4.25mm, 4,5 mm	Cái	1 cái/hộp	85	3	Chất liệu thép không gỉ và nhựa , chiều dài 4mm, 4.25mm, 4.5mm đường kính thân 0,6 mm.	≥ 2 năm
424	Bông ép sọ não 1,5 x 5cm	cái	10 cái/gói	500	5	Bông hút nước (100% cotton) màu trắng - Tốc độ hút nước: ≤ 10s - Chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Giới hạn Acid bazo: trung tính - Độ ẩm: ≤ 8% Kích thước 1.5cm x 5cm	≥ 2 năm
425	Gạc meche phẫu thuật TMH vô trùng 4,5 x 75 cm x 4 lớp	Cái	3 cái/gói	8,000	4	Gạc dệt hút nước (100% cotton) màu trắng - Tốc độ hút nước: ≤ 10s - Chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Giới hạn Acid bazo: trung tính - Độ ẩm: ≤ 8%. Kích thước 4.5cm x 75cm x4 lớp. Đã tiệt trùng	≥ 2 năm
426	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 8 lớp có cân quang	cái	10 cái/gói	8,000	4	Gạc dệt hút nước (100% cotton) màu trắng - Tốc độ hút nước: ≤ 10s - Chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Giới hạn Acid bazo: trung tính - Độ ẩm: ≤ 8% Kích thước 10cm x 10cm x 8 lớp có cân quang.	≥ 2 năm
427	Gạc phẫu thuật 10 x 10cm x 12 lớp có cân quang	cái	10 cái/gói	8,000	4	Gạc dệt hút nước (100% cotton) màu trắng - Tốc độ hút nước: ≤ 10s - Chất tan trong nước: ≤ 0,5% - Giới hạn Acid bazo: trung tính - Độ ẩm: ≤ 8% Kích thước 10cm x 10cm x 12 lớp có cân quang.	≥ 2 năm

428	Ống nội khí quản kèm điện cực theo dõi dây thần kinh các cơ	Cái	1 cái/hộp	30	3	Đường kính trong 7mm - 8mm, đường kính ngoài 9.5mm - 10.7mm, sử dụng với máy theo dõi và cảnh báo dây thần kinh của hãng Medtronic.	≥ 2 năm
429	Miếng cầm máu phẫu thuật tai kích thước 12 x 24mm	Miếng	10 Miếng/hộp	50	3	Phù hợp trong phẫu thuật tai, kích thước: đường kính 1,2 cm ; dài 2,4 cm. Khả năng thấm hút cực tốt: lên tới 21 lần trong lượng ban đầu khi ở trong chất lỏng Thành phần: Hydroxilated Poly-Vinyl Acetate.	≥ 2 năm
430	Băng dính vải mềm y tế có gạc vô trùng kích thước 8cm x 10cm	Miếng	25 miếng/hộp; 12 hộp/thùng	1,000	6	- Băng vết thương với lớp vải nền không dệt Polyester thoáng giúp da dễ thở. Miếng dán có khả năng co giãn phù hợp với vị trí vết thương. - Miếng lót ở giữa thấm hút dịch không dính vào vết thương. - Thành phần lớp nền: Polyester không dệt - Keo Acrylate không có nguồn gốc mù cao su, ít gây dị ứng cho da và không sót keo khi tháo băng ra. Kích thước: 8 x 10 cm	≥ 2 năm
431	Băng dính vải mềm y tế có gạc vô trùng kích thước 9cm x 15cm	Miếng	25 miếng/hộp; 12 hộp/thùng	5,000	6	- Băng vết thương với lớp vải nền không dệt Polyester thoáng giúp da dễ thở. Miếng dán có khả năng co giãn phù hợp với vị trí vết thương. - Miếng lót ở giữa thấm hút dịch không dính vào vết thương. - Thành phần lớp nền: Polyester không dệt - Keo Acrylate không có nguồn gốc mù cao su, ít gây dị ứng cho da và không sót keo khi tháo băng ra. Kích thước: 9 x 15 cm	≥ 2 năm
432	Băng dính vải mềm y tế có gạc vô trùng kích thước 9cm x 20cm	Miếng	25 miếng/hộp; 10 hộp/thùng	5,000	6	- Băng vết thương với lớp vải nền không dệt Polyester thoáng giúp da dễ thở. Miếng dán có khả năng co giãn phù hợp với vị trí vết thương. - Miếng lót ở giữa thấm hút dịch không dính vào vết thương. - Thành phần lớp nền: Polyester không dệt - Keo Acrylate không có nguồn gốc mù cao su, ít gây dị ứng cho da và không sót keo khi tháo băng ra. Kích thước: 9 x 20 cm	≥ 2 năm
433	Băng phim dính y tế trong suốt có viền vải	Miếng	100 miếng/ hộp_x000D ; 4 hộp/thùng	1,000	3	- Băng film bao gồm lớp màng mỏng với lớp kết dính không chứa Latex. - Được bọc viền có rãnh và gia cố bằng vải mềm để gắn giữ tốt hơn catheter. - Cho phép trao đổi chất oxy, hơi ẩm tốt và không thấm nước, chất lỏng, vi khuẩn và vi rút. - Cung cấp một rào cản virus có đường kính 27nm	≥ 2 năm
434	Băng phim dính y tế trong suốt có viền vải trẻ em	Miếng	100 miếng/ hộp_x000D ; 4 hộp/thùng	1,000	3	- Băng film bao gồm lớp màng mỏng với lớp kết dính không chứa Latex. - Được bọc viền có rãnh và gia cố bằng vải mềm để gắn giữ tốt hơn catheter. - Cho phép trao đổi chất oxy, hơi ẩm tốt và không thấm nước, chất lỏng, vi khuẩn và vi rút. - Cung cấp một rào cản virus có đường kính 27nm	≥ 2 năm
435	Băng dính thay chỉ khâu da kích thước 6,4mm x 100mm	Hộp	10 miếng/tám 50 tám / hộp; 4 hộp / thùng	100	3	- Miếng dán vết thương thay chỉ khâu. Kích thước 6,4mm x 100mm x 10 miếng - Là sản phẩm khép miệng vết thương tiêu chuẩn trên toàn thế giới, được tin cậy với thiết kế đơn giản, thao tác dễ dàng không xâm lấn, không để sẹo xấu, tăng tính thẩm mỹ so với chỉ khâu, kim bấm da. - Vô khuẩn, thông thoáng và thoải mái khi dán trên da. - Chi phí ít hơn khi so với khâu da bằng chỉ khâu hoặc kim bấm da.	≥ 2 năm
436	Băng dính thay chỉ khâu da kích thước 12,7mm x 100mm	Hộp	6 miếng/tám 50 tám / hộp; 4 hộp / thùng	100	3	- Miếng dán vết thương thay chỉ khâu. Kích thước 12,7mm x 100mm x 6 miếng - Là sản phẩm khép miệng vết thương tiêu chuẩn trên toàn thế giới, được tin cậy với thiết kế đơn giản, thao tác dễ dàng không xâm lấn, không để sẹo xấu, tăng tính thẩm mỹ so với chỉ khâu, kim bấm da. - Vô khuẩn, thông thoáng và thoải mái khi dán trên da. - Chi phí ít hơn khi so với khâu da bằng chỉ khâu hoặc kim bấm da.	≥ 2 năm

437	Băng thun Coban tự dính kích thước 7,5 cm x 4,5 cm (băng ép cố định băng gạc)	cuộn	24 cuộn/thùng	3,000	4	Băng thun co giãn màu nâu tan. Kích thước 7,5 cm x 4,5 m. -Loại băng co giãn tự dính vào nhau như băng keo không cần kim kẹp, băng dính dán lại, băng giữ cố định, không tuột và không cần chỉnh sửa. - Nhẹ, thoáng, thoải mái cho bệnh nhân. - Băng bảo vệ lớp đầu tiên, có tác dụng băng ép ngay khi vừa băng.	≥ 2 năm
438	Băng dính y tế mềm dạng cuộn KT 10cm x 10m (cố định băng gạc lớn tại các vị trí hay cử động)	Cuộn	01 cuộn/hộp, 30 hộp/thùng	1,000	4	Băng vải không dệt giúp da thông thoáng sau khi dán. Co giãn tốt có thể dán dễ dàng tại những nơi gấp khúc. Nền keo Acrylate có độ dính tốt, không chứa gốc cao su, ít gây dị ứng. Lớp giấy bảo vệ có răng cưa, dễ dàng tách ra khi dán. Kích thước 10 cm x 10 m.	≥ 2 năm
439	Miếng cầm máu tự tiêu Cellulose oxy hóa tái tổ hợp dạng lưới kích thước 10x20cm	Miếng	12 miếng/hộp	50	4	Vật liệu cầm máu tự tiêu Cellulose oxy hóa tái tổ hợp, dạng miếng tự tiêu sau 7-14 ngày. Nguồn gốc thực vật, giảm thiểu phản ứng mô. Có tác dụng diệt khuẩn, chống lại MRSA, MRSE, VRE, PRSP. Kích cỡ 10x20cm, hộp 12 miếng	≥ 2 năm
440	Miếng cầm máu tự tiêu Cellulose oxy hóa tái tổ hợp dạng lưới kích thước 5x10cm	Miếng	10 miếng/hộp	50	4	Vật liệu cầm máu surgicel dạng bông xốp tự tiêu, có tính kháng khuẩn, bằng cellulose oxi hóa tái tổ hợp (oxidized regenerated cellulose) cỡ 5,1cm x 10,2cm, vô trùng	≥ 2 năm
441	Sáp cầm máu tiết trùng dùng cho xương 25,5 gram	miếng	12 miếng/hộp	36	4	Vật liệu cầm máu xương: sáp cầm máu xương 2.5g, thành phần có sáp ong trắng (85% kl/kl), Isopropyl Palmitate (15% kl/kl), vô trùng	≥ 2 năm
442	Miếng lau đầu đốt dao mổ điện kích thước 4,5 cm x 4,5 cm	Miếng	Thùng 100 miếng	1,000	3	Chất liệu Aluminium Oxide Grit + Synthetic Resin + Polyester Fibre Resin + Polyester Fibre. Mặt sau dính. Sản phẩm dùng 1 lần được đóng gói tiết trùng. Tiết trùng bằng Ethylene Oxide.. Tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE	≥ 2 năm
443	Dây garo sử dụng để lấy máu bệnh nhân	chiếc	1000 chiếc/thùng	12	3	Dây cao su Sử dụng để ga rô bệnh nhân trong lấy mẫu máu	≥ 2 năm
444	Màng mô vô trùng kích thước 10 cm x 20 cm	Miếng	10 miếng/hộp	200	2	Chất liệu Polyeste film, chứa Iodophor kháng khuẩn. Chất dính Acrylate. Kích thước 10cm x 20cm	≥ 2 năm
Tổng cộng có 444 danh mục dụng cụ, vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm, vật tư y tế thông dụng							

Hà Nội, ngày 01 tháng 03 năm 2021

KT. GIÁM ĐỐC

P. GIÁM ĐỐC

Đỗ Việt Thắng